

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN NẬM PỒ
TRƯỜNG MẦM NON NÀ BỪNG

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

DANH SÁCH VÀ CHỮ KÝ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
1	Lường Thị Thuận	Hiệu trưởng	Chủ tịch hội đồng	
2	Lò Thị Hằng	Phó hiệu trưởng	Phó Chủ tịch- thư ký hội đồng	
3	Cà Thị Hiền	Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch hội đồng- thư ký nhóm 4	
4	Lò Thị Duyên	Tổ phó tổ mẫu giáo ghép 3-4-5 tuổi	Thư ký nhóm 2	
5	Lường Thị Loan	Tổ trưởng tổ mẫu giáo đơn 3t	Thư kí nhóm 1	
6	Lường Thị Thu	Tổ trưởng tổ mẫu giáo đơn 4-5 tuổi	Ủy viên hội đồng	
7	Lường Thị Xuân	Tổ trưởng tổ ghép 3-4-5 tuổi	Thư kí nhóm 5	
8	Lò Thị Dương	Tổ trưởng tổ nhà trẻ	Thư kí nhóm 3	
9	Lường Thị Phương	Tổ phó mẫu giáo đơn 3t	Ủy viên hội đồng	
10	Lò Thị Xinh	Tổ phó tổ mẫu giáo đơn 4-5 tuổi	Ủy viên hội đồng	

NĂM PỒ - NĂM 2025
MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
Mục lục	3
Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá	6
Phần I. CƠ SỞ DỮ LIỆU	8
Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ	14
A. ĐẶT VẤN ĐỀ	14
B. TỰ ĐÁNH GIÁ	15
I. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 1, 2 VÀ 3	17
Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường	17
Mở đầu	17
Tiêu chí 1.1: Phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường	17
Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường và các hội đồng khác	20
Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và các tổ chức khác trong nhà trường	22
Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng	24
Tiêu chí 1.5: Tuyển sinh, tổ chức nhóm trẻ và lớp mẫu giáo	27
Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản	28
Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên	31
Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục	33
Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở	35
Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự an toàn trường học	37
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 1</i>	39
Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên	39

Mở đầu	39
Tiêu chí 2.1: Đối với Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng	40
Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên	42
Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên	44
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 2</i>	46
Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học	47
Mở đầu	47
Tiêu chí 3.1: Địa điểm, quy mô, diện tích đảm bảo theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo	48
Tiêu chí 3.2: Các hạng mục công trình đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở vật chất tối thiểu đối với trường mầm non theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo	49
Tiêu chí 3.3: Hạ tầng kỹ thuật, các hạng mục công trình kiên cố và thiết bị dạy học đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở vật chất tối thiểu đối với trường mầm non theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo	54
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 3</i>	57
Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường gia đình và xã hội	57
Mở đầu	57
Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ trẻ	58
Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp các tổ chức cá nhân của nhà trường	60
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 4</i>	63
Tiêu chuẩn 5: Hoạt động và kết quả nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ	64
Mở đầu	64
Tiêu chí 5.1: Thực hiện Chương trình giáo dục mầm non	64
Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ	67
Tiêu chí 5.3: Kết quả nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe	70

Tiêu chí 5.4: Kết quả giáo dục	72
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 5</i>	75
II. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 4	75
Tiêu chí 1: Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục...	75
Tiêu chí 2: Ít nhất 90% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp...	77
Tiêu chí 3: Sân vườn và khu vực cho trẻ em chơi ...	78
Tiêu chí 4: 100% các công trình của nhà trường được xây dựng...	80
Tiêu chí 5: Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá...	81
Tiêu chí 6: Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá...	83
<i>Kết luận tiêu chí mức 4</i>	84
Phần III. KẾT LUẬN CHUNG	85
Phần IV. PHỤ LỤC	86

TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

1. Kết quả tự đánh giá

Đánh dấu (x) vào ô kết quả tương ứng đạt hoặc không đạt

1.1. Đánh giá tiêu chí Mức 1, 2, và 3

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chuẩn 1		x	x	
Tiêu chí 1.1		x	x	x
Tiêu chí 1.2		x	x	
Tiêu chí 1.3		x	x	x
Tiêu chí 1.4		x	x	x
Tiêu chí 1.5		x	x	
Tiêu chí 1.6		x	x	
Tiêu chí 1.7		x	x	
Tiêu chí 1.8		x	x	
Tiêu chí 1.9		x	x	
Tiêu chí 1.10		x	x	
Tiêu chuẩn 2		x	x	
Tiêu chí 2.1		x	x	x
Tiêu chí 2.2		x	x	
Tiêu chí 2.3		x	x	
Tiêu chuẩn 3		x	x	
Tiêu chí 3.1		x	x	x
Tiêu chí 3.2		x	x	
Tiêu chí 3.3		x	x	
Tiêu chí 3.4		x	x	
Tiêu chí 3.5		x	x	
Tiêu chí 3.6		x	x	x
Tiêu chuẩn 4				
Tiêu chí 4.1		x	x	

Tiêu chí 4.2		x	x	
Tiêu chuẩn 5		x	x	
Tiêu chí 5.1		x	x	
Tiêu chí 5.2		x	x	x
Tiêu chí 5.3		x	x	
Tiêu chí 5.4		x	x	x

Kết quả: Mức 1 đạt (5 tiêu chuẩn và 22 tiêu chí)

Mức 2 đạt (5 tiêu chuẩn và 21 tiêu chí)

Mức 3 đạt (5 tiêu chuẩn và 10/15 tiêu chí)

1.2. Đánh giá tiêu chí mức 4

Tiêu chí	Kết quả		Ghi chú
	Đạt	Không đạt	
Tiêu chí 1		x	
Tiêu chí 2	x		
Tiêu chí 3		x	
Tiêu chí 4		x	
Tiêu chí 5		x	
Tiêu chí 6	x		

Kết quả: đạt 02/06 tiêu chí

2. Kết luận: Trường đạt kiểm định chất lượng cấp độ 2

Phần I
CƠ SỞ DỮ LIỆU

Tên trường (theo quyết định mới nhất): Trường Mầm non Nà Bùng

Tên trước đây: Trường mầm non Nà Bùng

Cơ quan chủ quản: Ủy ban nhân dân huyện Nậm Pồ

Tỉnh/Thành phố trực thuộc trung ương	Nậm Pồ	Họ và tên hiệu trưởng	Lường Thi Thuận
Huyện/Quận/Thị xã/Thành phố	Nậm Pồ	Điện thoại	0839307826
Xã/Phường/Thị trấn	Nà Bùng	Fax	
Đạt CQG	Quyết định số /QĐ-UBND ngày 12 tháng 02 năm 2021	Website	https://mnnabung.nampopo.edu.vn/
Năm thành lập trường (theo quyết định thành lập)	Quyết định số 2006 (Theo QĐ số 1037/QĐ-UBND 27/11/2006)	Số điểm trường	8
Công lập	x	Loại hình khác	
Tư thực		Thuộc vùng khó khăn	
Dân lập		Thuộc vùng đặc biệt khó khăn	
Trường liên kết với nước ngoài	0		

1. Số nhóm trẻ, lớp mẫu giáo

Số nhóm, lớp	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023	Năm học 2023-2024	Năm học 2024-2025	Ghi chú
Nhóm trẻ 3 đến 12 tháng tuổi	0	0	0	0	0	
Nhóm trẻ từ 13 đến 24 tháng tuổi	0	0	0	0	0	
Nhóm trẻ từ 25 đến 36 tháng tuổi	9	9	9	12	9	
Lớp Mẫu giáo 3- 4 tuổi	3	3	4	5	4	
Lớp Mẫu giáo 4- 5 tuổi	4	4	3	3	3	
Lớp Mẫu giáo 5- 6 tuổi	4	4	4	3	3	
Lớp Mẫu giáo ghép 3+4 tuổi	2	2	2	1	2	
Lớp Mẫu giáo ghép 4+5 tuổi	2	2	2	3	3	
Lớp Mẫu giáo ghép 3-4-5 tuổi	4	4	4	3	3	
Cộng	28	28	28	30	27	

2. Cơ cấu khối công trình của nhà trường

TT	Số liệu	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023	Năm học 2023- 2024	Năm học 2024-2025
I	Khối phòng nhóm trẻ, lớp mẫu giáo	28	28	28	28	27
1	Phòng kiên cố	9	9	9	21	21
2	Phòng bán kiên cố	19	19	19	9	7

3	Phòng tạm					
II	Khối phòng phục vụ học tập	1	1	2	2	2
1	Phòng kiên cố					
2	Phòng bán kiên cố	1	1	2	2	2
3	Phòng tạm					
III	Khối phòng hành chính quản trị	7	7	7	7	7
1	Phòng kiên cố					
2	Phòng bán kiên cố	7	7	7	7	7
3	Phòng tạm					
IV	Khối phòng tổ chức ăn	9	9	9	9	9
1	Phòng kiên cố					
2	Phòng bán kiên cố			5	5	5
3	Phòng tạm	9	9	4	4	4
V	Các công trình, khối phòng chức năng khác (phòng kho, phòng họp)			2	2	2
1	Kiên cố					
2	Bán kiên cố			2	2	2
	Cộng					

3. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

a) Số liệu tại thời điểm tự đánh giá

	Tổng số	Nữ	Dân tộc	Trình độ đào tạo			
				Chưa đạt chuẩn	Đạt chuẩn	Trên chuẩn	Ghi chú
Hiệu trưởng	1	1	1			1	
Phó hiệu trưởng	2	2	2			2	

Giáo viên	51	50	50		6	45	
Nhân viên	6	3	5	3	2	1	
Cộng	60	56	58	3	8	49	

b) Số liệu của 5 năm gần đây

TT	Số liệu	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023	Năm học 2023-2024	Năm học 2024- 2025
1	Tổng số giáo viên	34	30	37	37	50
2	Tỉ lệ trẻ em/giáo viên (đối với nhóm trẻ)	245/11 =22,2%	237/10 =23,7%	240/15 =16%	268/13 =20,6%	244/17 = 14,3%
3	Tỉ lệ trẻ em/giáo viên (đối với lớp mẫu giáo không có trẻ bán trú)	0	0	0	0	0
4	Tỉ lệ trẻ em/giáo viên (đối với lớp mẫu giáo có trẻ bán trú)	566/23 =24,6%	507/20 =25,3%	504/22 =22,9%	525/24 =21,8%	568/33 =17,2%
5	Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp huyện hoặc tương đương trở lên	6	9	9	9	9

6	Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh trở lên	1	1	1	1	1
	Các số liệu khác					

4. Trẻ em

T T	Số liệu	Năm học 2019- 2020	Năm học 2021- 2022	Năm học 2022- 2023	Năm học 2023-2024	Năm học 2024-2025
1	Tổng số trẻ em	801	744	744	793	812
	- Nữ	412	366	366	393	396
	- Dân tộc thiểu số	797	718	727	774	795
2	Đối tượng chính sách	432	481	452	482	732
3	Khuyết tật	2	1	1	0	2
4	Tuyển mới	245	234	99	108	115
5	Học 2 buổi/ngày	801	736	744	993	812
6	Bán trú	801	736	744	793	812
7	Tỉ lệ trẻ em/lớp	27,2/1	26,3/1	26,5/1	26,4	30,0
8	Tỉ lệ trẻ em/nhóm	29,2/1	26/1	26/1	26/1	14,3
9	- Trẻ em từ 03 đến 12 tháng tuổi	0	0	0	0	0

	- Trẻ em từ 13 đến 24 tháng tuổi	98	69	44	65	25
	- Trẻ em từ 25 đến 36 tháng tuổi	147	165	196	203	219
	- Trẻ em từ 3-4 tuổi	176	152	168	201	202
	- Trẻ em từ 4-5 tuổi	173	177	155	170	199
	- Trẻ em từ 5-6 tuổi	207	173	181	154	167
10	Các số liệu khác (nếu có)	0	0	0	0	

5. Kết quả thực hiện phổ cập GDMN cho trẻ em 5 tuổi

TT	Nội dung	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023	Năm học 2023-2024	Năm học 2024-2025
1	Trong địa bàn tuyển sinh của trường, tỷ lệ huy động trẻ em lứa tuổi mầm non đến trường.	801/950 =84,3	744/985 =75,5	744/965 =77,0	739/984 =75,1	812/1000 =81,2%
2	Tỷ lệ huy động trẻ 5 tuổi đến trường.	100	100	100	100	100
3	Tỷ lệ trẻ em 5 tuổi hoàn thành chương trình GDMN.	100	100	100	100	100
4	Tỷ lệ trẻ 5 tuổi khuyết tật học hòa nhập.	0	0	1	1	0

Phần II

TỰ ĐÁNH GIÁ

A. ĐẶT VẤN ĐỀ

1. Tình hình chung của nhà trường

Trường Mầm non Nà Búng được thành lập ngày 27 tháng 11 năm 2006 tách ra từ trường Tiểu học Nà Búng số 1. Nằm trên địa bàn bản Nà Búng 3, xã Nà Búng, huyện Nậm Pồ, tỉnh Điện Biên. Trong những năm qua nhà trường luôn phấn đấu vươn lên trong mọi hoạt động và đã đạt được một số thành tích nổi bật trong công tác quản lý, chỉ đạo. Trường có tổng diện tích là 7.797m², trong đó diện tích xây dựng là 6.434 m²/phòng, diện tích sân chơi là 1.363m². Trường gồm 1 điểm trường trung tâm và 8 điểm trường lẻ: trong đó diện tích trung tâm trường 2.627m²; Nà Búng 1: 600m²; Nà Búng 2: 470 m²; Nậm Tắt 1: 1.024m²; Nậm Tắt 2: 600m²; Púng Pa Kha: 1.800 m²; Trên Nương: 1.900m²; Ngải Thầu 1: 1.209 m²; Ngải Thầu 2: 875m²; bình quân tối thiểu cho một trẻ là 15,08m², đảm bảo đủ diện tích cho công tác chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục trẻ. Môi trường học tập của nhà trường đảm bảo an toàn - sạch - đẹp. Quy mô trường được xây dựng gồm 27 phòng học và các phòng chức năng cùng với hệ thống trang thiết bị đồng bộ, đáp ứng cho công tác chăm sóc giáo dục trẻ theo yêu cầu, có đầy đủ các phòng học cho từng độ tuổi đảm bảo diện tích, có đủ các phòng chức năng theo quy định như khu giáo dục thể chất, phòng giáo dục nghệ thuật, phòng thư viện, phòng họp của giáo viên với đầy đủ các trang thiết bị, đồ dùng đồ chơi cho trẻ hoạt động.

Trong 18 năm xây dựng và phát triển, nhà trường đã có nhiều đóng góp tích cực, hiệu quả vào sự nghiệp giáo dục của địa phương. Từ năm 2020-2024 trường liên tục đạt trường tiên tiến cấp huyện và đạt danh hiệu tập thể lao động xuất sắc được Ủy ban nhân dân huyện Nậm Pồ tặng giấy khen, năm học 2024-2025 được Ủy ban nhân dân Tỉnh tặng Bằng khen. Tổ chức Công đoàn nhiều năm liên tục đạt công đoàn vững mạnh xuất sắc. Chi bộ Đảng trong nhà trường nhiều năm liên tục đạt chi bộ trong sạch vững mạnh được các cấp công nhận và tặng giấy khen. Năm 2021 trường được công nhận trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ 1 theo Quyết định số 13063/QĐ-UBND ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên.

Năm học 2024-2025, Nhà trường có 27 nhóm lớp trong đó: Nhà trẻ 9 nhóm trẻ; Lớp mẫu giáo 18 lớp bao gồm: Lớp mẫu giáo 3-4 tuổi 2 lớp; Tổng số học sinh toàn trường 812 trong đó: trẻ từ 18-24 tháng tuổi: 25 trẻ; Trẻ từ 25-36 tháng tuổi: 219 trẻ; trẻ 3-4 tuổi 202 trẻ; trẻ 4-5 tuổi 199 trẻ ; trẻ 5-6 tuổi 167trẻ. Số trẻ là người dân tộc thiểu số 795/812; số trẻ em nữ 396/812.

Trẻ đến trường ngoan, lễ phép, mạnh dạn trong giao tiếp, tích cực tham gia vào các hoạt động, trẻ có nền nếp tốt trong việc thực hiện các hoạt động như học tập, vui chơi, vệ sinh, lao động.

Trường cchưa có đủ đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên đủ theo Điều lệ trường mầm non (thiếu 10 giáo viên mầm non). Có đạo đức tốt, phẩm chất chính trị vững vàng, nhiệt tình, có trách nhiệm hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, năng động, sáng tạo trong việc tổ chức các hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ. 87,5% giáo viên có trình độ đào tạo trên chuẩn, giáo viên dạy giỏi các cấp đạt trên 50%. Qua các đợt kiểm tra của Phòng Giáo dục và Đào tạo, giáo viên đều được đánh giá, xếp loại chuyên môn nghiệp vụ đạt khá trở lên. Chất lượng đội ngũ giáo viên, chất lượng chăm sóc giáo dục không ngừng được nâng lên và được khẳng định qua kết quả đánh giá chất lượng của từng năm học, đáp ứng đủ điều kiện trường mầm non đạt chuẩn Quốc gia Mức độ I. Hằng năm, nhà trường làm tốt công tác tham mưu với các cấp lãnh đạo ngành, lãnh đạo địa phương, phối hợp với các cơ quan đoàn thể đóng trên địa bàn, cha mẹ trẻ tập trung mọi nguồn lực tôn tạo cảnh quan môi trường. Duy trì nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ và tổ chức tốt các hoạt động của nhà trường.

2. Mục đích tự đánh giá

Tự đánh giá là khâu đầu tiên trong quy trình kiểm định chất lượng giáo dục. Đó là quá trình nhà trường tự kiểm tra, đánh giá trên cơ sở các tiêu chuẩn đánh giá do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Việc tự đánh giá nhằm giúp nhà trường xác định mức độ đáp ứng mục tiêu giáo dục trong từng giai đoạn, để xây dựng kế hoạch cải tiến, nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ, thông qua báo cáo công khai với các cơ quan quản lý nhà nước và xã hội về thực trạng chất lượng giáo dục của nhà trường. Thông qua việc tự đánh giá, nhận thức của tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên về công tác chăm sóc, giáo dục trẻ, được thay đổi theo chiều hướng tích cực. Công tác quản lý nhà trường ngày một chặt chẽ và nền nếp hơn. Công tác tự đánh giá thể hiện tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của nhà trường trong toàn bộ hoạt động giáo dục. Mỗi cá nhân nhận thức rõ hơn vai trò và trách nhiệm của mình trước nhiệm vụ được giao. Kết quả tự đánh giá giúp cho tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên xác định được những điểm mạnh, điểm yếu. Từ đó có kế hoạch cải tiến, khắc phục nâng cao chất lượng hoạt động của nhà trường trong thời gian tới và những năm tiếp theo.

3. Tóm tắt quá trình và những vấn đề nổi bật trong hoạt động tự đánh giá

Thực hiện Thông tư số 19/2018/TT-BGD&ĐT; Thông tư sửa đổi bổ sung số 22/2024/TT-BGDĐT ngày 10 tháng 12 năm 2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường mầm non và Thông tư số: 13/VBHN-BGDĐT 31/12/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường mầm non Nhà trường xây dựng và triển khai cụ thể kế hoạch tự đánh giá tới toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên của nhà trường. Thành lập Hội đồng tự đánh giá bao gồm: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, đại diện các đoàn thể, giáo viên, thư ký hội đồng là những giáo viên có kinh nghiệm. Hội đồng tự đánh giá của trường tiến hành theo đúng quy trình tự đánh giá xây dựng kế hoạch tổng thể và chi tiết, phân công

nhệm vụ cụ thể cho từng thành viên, tổ chức hướng dẫn kỹ năng viết phiếu đánh giá tiêu chí, xác định nội hàm gợi ý tìm minh chứng cho từng nhóm. Hội đồng tự đánh giá được chia thành 05 nhóm, mỗi nhóm được phân công thu thập, xử lý và phân tích các minh chứng, nghiên cứu đánh giá 1 đến 2 tiêu chuẩn đã được phân công.

Nhà trường thực hiện công tác tự đánh giá theo quá trình liên tục thực hiện đúng kế hoạch, dành nhiều công sức, thời gian, có sự tham gia của tập thể và cá nhân trong nhà trường. Đảm bảo công tác tự đánh giá khách quan, trung thực và công khai. Các giải thích, nhận định, kết luận đưa ra trong quá trình tự đánh giá được dựa trên các thông tin, minh chứng cụ thể, rõ ràng, đảm bảo độ tin cậy. Báo cáo tự đánh giá bao quát đầy đủ các tiêu chí trong tiêu chuẩn đánh giá chất lượng của nhà trường.

Hoạt động tự đánh giá của nhà trường được thực hiện theo đúng quy trình Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn gồm 7 bước sau:

Bước 1. Thành lập Hội đồng tự đánh giá.

Bước 2. Lập kế hoạch tự đánh giá.

Bước 3. Thu thập, xử lý và phân tích các minh chứng.

Bước 4. Đánh giá các mức độ đạt được theo từng tiêu chí.

Bước 5. Viết báo cáo tự đánh giá.

Bước 6. Công bố báo cáo tự đánh giá.

Bước 7. Triển khai các hoạt động sau khi hoàn thành báo cáo tự đánh giá

Tất cả các bước trên đều được thực hiện đúng hướng dẫn và đảm bảo tính dân chủ, công khai khoa học.

Để báo cáo tự đánh giá đảm bảo tính chính xác, trung thực, khách quan Hội đồng tự đánh giá đã tiến hành đánh giá bằng nhiều phương pháp khác nhau. Trong đó chủ yếu bằng phương pháp khảo sát thực tế tất cả các mặt hoạt động của nhà trường liên quan đến nội dung của 5 tiêu chuẩn để thu thập thông tin, minh chứng, so sánh, đối chiếu và phân tích dữ liệu có liên quan, trong quá trình đánh giá nhà trường căn cứ vào các văn bản quy định kiểm định chất lượng giáo dục do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành để làm cơ sở cho việc tiến hành tự đánh giá. Ngoài ra, nhà trường còn sử dụng các phương tiện hỗ trợ khác như: Máy vi tính, máy in, mạng Internet để khai thác thông tin, minh chứng và viết báo cáo tự đánh giá. Căn cứ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục theo. Thực hiện Thông tư số 19/2018/TT-BGD&ĐT; Thông tư sửa đổi bổ sung số 22/2024/TT-BGDĐT ngày 10 tháng 12 năm 2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường mầm non và Thông tư số: 13/VBHN-BGDĐT 31/12/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường mầm non. Kết quả tự đánh giá trường mầm non Nà Bùng đạt kiểm định chất lượng giáo dục

cấp độ 2, đạt trường chuẩn Quốc gia mức độ 1.

B. TỰ ĐÁNH GIÁ

I. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 1, 2 VÀ 3

Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường

Mở đầu:

Trường mầm non Nà Búng đã xây dựng Chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2021-2025 định hướng đến năm 2030, đề ra chiến lược xây dựng và phát triển về công tác tổ chức và quản lý các hoạt động trong nhà trường phù hợp với mục tiêu giáo dục mầm non và các nguồn lực của nhà trường. Kien toàn đầy đủ cơ cấu tổ chức theo đúng quy định, nhà trường có tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam và các tổ chức đoàn thể khác, thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ theo quy định và hoạt động có hiệu quả. Nhà trường thực hiện quản lý và sử dụng tài chính, tài sản, lưu trữ hồ sơ đầy đủ theo quy định. Hằng năm xây dựng kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ CBQL-GV-NV. Chỉ đạo các tổ chuyên môn xây dựng kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, chuyên đề góp phần nâng cao hiệu quả chất lượng chăm sóc giáo dục.

Đa số các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo được chia theo độ tuổi, học 2 buổi/ngày. Giáo viên căn cứ vào kế hoạch giáo dục nhà trường để xây dựng kế hoạch giáo dục của nhóm, lớp theo chương trình giáo dục của Bộ GD&ĐT phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường và địa phương. Định kỳ tiến hành rà soát, đánh giá, điều chỉnh, bổ sung kịp thời.

Nhà trường luôn phân công nhiệm vụ cho cán bộ, giáo viên, nhân viên theo đúng năng lực, sở trường và phù hợp với điều kiện hoàn cảnh của từng đồng chí. Thực hiện tốt quy chế dân chủ trong cơ quan đơn vị, không có tình trạng đơn thư khiếu nại, đảm bảo các quyền lợi của CBQL-GV-NV đúng quy định. Hằng năm, nhà trường luôn đảm bảo tốt an ninh trật tự, vệ sinh an toàn thực phẩm, phòng chống tai nạn thương tích, phòng chống cháy nổ, phòng chống bạo lực học đường.

1. Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường

Mức 1:

a) Phù hợp với mục tiêu giáo dục mầm non được quy định tại Luật giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường;

b) Được xác định bằng văn bản và cấp có thẩm quyền phê duyệt;

c) Được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại nhà trường hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của nhà trường (nếu có) hoặc đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương, trang thông tin điện tử của phòng giáo dục và đào tạo.

Mức 2:

Nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển.

Mức 3:

Định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. Tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục), cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, cha mẹ trẻ và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có phương hướng, chiến lược kế hoạch xây dựng và phát triển nhà trường phù hợp với mục tiêu giáo dục mầm non được quy định tại Điều 104 Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 ngày 14/9/2019, phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và kế hoạch theo từng năm học; phù hợp với các nguồn lực của nhà trường [H1-1.1-01]; [H1-1.1-02].

Căn cứ vào các văn bản hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học của các cấp, báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ chính trị của Đảng ủy, căn cứ vào chỉ tiêu kế hoạch được giao nhà trường đã xây dựng Kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 và Kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường từng năm học được phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Nậm Pồ phê duyệt để triển khai, thực hiện hiệu quả [H1-1.1-01]; [H1-1.1-02];

Hàng năm, nhà trường công khai kế hoạch phát triển nhà trường, phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường giai đoạn 2021-2025 định hướng đến năm 2030 tới toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên trong Hội nghị viên chức, người lao động đầu năm và được niêm yết trên bảng tin công khai của nhà trường [1.1-03].

Mức 2:

Hàng năm, nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường, Giám sát việc tổ chức thực hiện kế hoạch tuyển sinh, các hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục theo kế hoạch giáo dục của nhà trường, việc thực hiện quy chế dân chủ trong quản lý các hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục. Giám sát việc quản lý, sử dụng các nguồn lực xã hội hóa dành cho cơ sở giáo dục, bảo đảm mục tiêu giáo dục, công khai, minh bạch và hiệu quả [H1-1.1-04]; [H1-1.1-05].

Mức 3:

Hàng năm nhà trường chưa định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường. Tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường có sự tham gia của các

thành viên trong Hội đồng trường CBQL-GV-NV thông qua Hội nghị viên chức đầu năm, cha mẹ trẻ và cộng đồng thông qua các buổi họp Ban đại diện cha mẹ trẻ [H1-1.1-04]; [H1-1.1-05].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có phương hướng, chiến lược, kế hoạch xây dựng và phát triển nhà trường phù hợp với mục tiêu giáo dục được quy định tại Luật Giáo dục, định hướng phát triển kinh tế của địa phương và nguồn lực của nhà trường, được phòng GD&ĐT phê duyệt và niêm yết công khai trên niêm yết tại bảng tin, đăng tải trên Website của nhà trường. Hằng năm thực hiện rà soát, bổ sung, điều chỉnh các mục tiêu, phương hướng phát triển của nhà trường để phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường, địa phương và thống nhất xây dựng kế hoạch phát triển nhà trường đã đưa ra các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển của nhà trường theo giai đoạn, theo năm học hiệu quả.

3. Điểm yếu:

Việc rà soát, bổ sung, điều chỉnh kế hoạch chiến lược xây dựng và phát triển của nhà trường còn chưa được thường xuyên.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Định kỳ hằng năm rà soát, bổ sung, điều chỉnh kế hoạch chiến lược xây dựng và phát triển cho phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường.	Cán bộ quản lý	Xây dựng các giải pháp chiến lược phát triển của nhà trường cho những giai đoạn tiếp theo.	Năm học 2024-2025 và các năm học tiếp theo.	Không
Tiếp tục công khai phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường bằng hình thức niêm yết tại bảng tin, đăng tải trên Website của nhà trường để toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà	Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên.	Trang thông tin điện tử, bảng tin của trường.	Năm học 2024-2025 và các năm học tiếp theo.	Không

trường, các bậc phụ huynh, nhân dân được biết và tham gia góp ý.				
--	--	--	--	--

5. Tự đánh giá tiêu chí: Đạt mức 3

Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường và các hội đồng khác

Mức 1:

- a) Được thành lập theo quy định;*
- b) Thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định;*
- c) Các hoạt động được định kỳ rà soát, đánh giá.*

Mức 2:

Hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ của nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Hội đồng trường được thành lập theo điểm b Khoản 1 Điều 9 thông tư 52/2020/TT-BGDĐT, ngày 31/12/2020 Thông tư Ban hành Điều lệ trường mầm non gồm 13 thành viên được thành lập theo Quyết định số 1678/QĐ-UBND, ngày 12/9/2022 của Ủy ban nhân dân huyện Nậm Pồ về việc Kiện toàn Hội đồng trường các trường Mầm non nhiệm kỳ 2021-2026; [H1-1.1-04], các hội đồng khác được thành lập theo quy định như: Hội đồng thi đua khen thưởng [H1-1.2-01]; Hội đồng chăm sóc sức khỏe [H1-1.2-02]; Hội đồng chăm thi giáo viên dạy giỏi cấp trường [H1-1.2-03]; Hội đồng thẩm định chương trình giáo dục Nhà trường [H1-1.2-04]; Hội đồng tự đánh giá [H1-1.2-05]; Hội đồng tư vấn [H1-1.2-06]; Hội đồng rà soát, lựa chọn đồ chơi, học liệu [H1-1.2-07];

Các hội đồng được thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều lệ trường mầm non. Hội đồng trường thực hiện, nhiệm vụ quyền hạn và hoạt động hiệu quả theo đúng quy định theo điều 9, khoản 1- thông tư 52/2020/TT-BGDĐT ban hành Điều lệ trường mầm non. Hội đồng trường quyết nghị về mục tiêu, chiến lược phát triển, kế hoạch hoạt động hằng năm của nhà trường; quyết nghị quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường; xem xét, sửa đổi, bổ sung các quy chế, quy định của nhà trường, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt; quyết nghị về tổ chức, nhân sự; quyết nghị về chủ trương sử dụng tài chính, tài sản của nhà trường [H1-1.1-04]; Hội đồng thi đua, khen thưởng tổ chức họp xét đề nghị các cấp khen thưởng đối với cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong nhà trường [H1-1.2-01]. Hội đồng chăm sóc sức khỏe đánh giá, nhận xét phạm vi ảnh hưởng, hiệu quả áp dụng đối với sức khỏe [H1-1.2-02]. Hội đồng chăm thi giáo viên dạy giỏi công nhận, tôn vinh giáo viên đạt danh hiệu giáo viên dạy giỏi [H1-1.2-03]; Hội đồng thẩm định Chương trình giáo dục Nhà trường đã tiến thành thẩm định đánh giá và Ban

hành Chương trình giáo dục Nhà trường [H1-1.2-04]; Hội đồng tự đánh giá tổ chức triển khai hoạt động tự đánh giá và tư vấn cho hiệu trưởng các biện pháp duy trì, nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường [H1-1.2-05]; Hội đồng tư vấn thực hiện tư vấn các hoạt động giáo dục trong nhà trường [H1-1.2-06]; Hội đồng rà soát, lựa chọn đồ chơi, học liệu tổ chức lựa chọn, đề xuất danh mục đồ chơi, học liệu được sử dụng trong nhà trường [H1-1.2-07];

Hàng năm, các hoạt động của đoàn thể, tổ chức tự rà soát, đánh giá nhằm bổ sung, điều chỉnh hoạt động phù hợp với tình hình thực tế của nhà trường nhằm nâng cao chất lượng hoạt động của các tổ chức và đoàn thể [H1-1.1-04]; [H1-1.2-01]; [H1-1.2-02]; [H1-1.2-03];]; [H1-1.2-04].

Mức 2:

Hội đồng trường và các hội đồng khác duy trì hoạt động tích cực có hiệu quả theo đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, được đánh giá cao trong việc góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ của nhà trường như kiểm tra, giám sát, đôn đốc việc thực hiện kế hoạch nhiệm vụ năm học và phương hướng phát triển của nhà trường; thường xuyên tham mưu với chính quyền, các đoàn thể địa phương, tích cực tuyên truyền tới các bậc phụ huynh nâng cao công tác chăm sóc, giáo dục. Đảm bảo công tác xã hội hóa, huy động nguồn lực, vật lực xây dựng các tiêu chí trường Chuẩn quốc gia và tiếp tục duy trì chuẩn phổ cập GDMN cho trẻ em 5 tuổi [H1-1.1-04]; [H1-1.2-08].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có hội đồng trường và các hội đồng khác và thực hiện đầy đủ các chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định. Hàng năm hội đồng trường và các hội đồng khác duy trì tổ chức các hoạt động có hiệu quả theo đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo Điều lệ Trường mầm non, các hội đồng được định kỳ rà soát, đánh giá cao trong việc góp phần nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ của nhà trường đáp ứng nhu cầu của việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học.

3. Điểm yếu: Không.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Hàng năm kiện toàn các hội đồng trong nhà trường.	Cán bộ quản lý	Tờ trình, các quyết định thành lập	Năm học 2024-2025 và các năm học tiếp theo.	Không
Nhà trường tiếp tục duy trì và phát huy hiệu quả	Các thành viên của	Phân công nhiệm vụ, các	Năm học 2024-2025	Không

hoạt động của hội đồng trường và các hội đồng khác góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ để thực hiện thắng lợi nhiệm vụ năm học.	hội đồng trường và các hội đồng khác	quyết định thành lập	và các năm học tiếp theo	
---	--------------------------------------	----------------------	--------------------------	--

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2.

Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường

Mức 1:

a) Các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường có cơ cấu tổ chức theo quy định;

b) Hoạt động theo quy định;

c) Hằng năm, các hoạt động được rà soát, đánh giá.

Mức 2:

a) Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá có ít nhất 01 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp tích cực cho các hoạt động của nhà trường.

Mức 3:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có ít nhất 02 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

b) Các đoàn thể, tổ chức khác đóng góp hiệu quả cho các hoạt động của nhà trường và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có tổ chức Công đoàn gồm 59 công đoàn viên. Ban chấp hành công đoàn gồm 1 chủ tịch, 1 phó chủ tịch và 1 ủy viên; Chi đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh gồm 50 đoàn viên. Ban chấp hành Chi đoàn gồm Bí thư, phó bí thư và 01 ủy viên [H1-1.3-01]; [H1-1.3-02];

Hằng năm, các tổ chức, đoàn thể trong trường xây dựng kế hoạch, phối hợp chặt chẽ với Nhà trường để hoạt động theo Điều lệ của từng tổ chức nhằm giúp nhà trường thực hiện mục tiêu giáo dục mầm non. Công đoàn trường chăm lo đời sống của cán bộ, giáo viên, nhân viên, thực hiện tốt các hoạt động phong trào và công tác quyền góp ủng hộ từ thiện đảm bảo theo quy định của

nhà trường và cấp trên [H1-1.3-01]; Chi đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh điều hành, tổ chức các hoạt động của Chi đoàn, tham gia các hoạt động phong trào, phối hợp với chính quyền thực hiện tốt các hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ [H1-1.3-02];

Hàng năm, các hoạt động của đoàn thể, tổ chức tự rà soát, đánh giá nhằm bổ sung, điều chỉnh hoạt động phù hợp với tình hình thực tế của nhà trường [H1-1.2-08]; [H1-1.3-01]; [H1-1.3-02].

Mức 2:

Nhà trường có Chi bộ Đảng độc lập theo Quyết định số .../QĐ-ĐU ngày .. tháng ... năm 20... của Đảng ủy xã Nà Bùng (Gồm 01 bí thư Chi bộ, 01 phó bí thư) Chi bộ có 17 đảng viên, hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam. trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá có 03 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, trong đó năm, 2023, 2024 hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ [H1-1.3-03]. Có 02 quần chúng ưu tú đang theo dõi hoàn thiện hồ sơ để kết nạp vào Đảng [H1-1.3-03];

Hàng năm các đoàn thể, tổ chức khác tích cực hoạt động phối kết hợp với nhà trường thực hiện đảm bảo chỉ tiêu, kế hoạch đề ra góp phần nâng cao chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và các hoạt động khác của nhà trường [H1-1.3-01]; [H1-1.3-02].

Mức 3:

Trong 04 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá Chi bộ nhà trường luôn triển khai và thực hiện tốt các quy định của Hiến pháp, pháp luật, thực hiện đúng điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam tính đến thời điểm đánh giá, Chi bộ nhà trường được Đảng ủy xã Nà Bùng đánh giá 03 năm liên tục hoàn thành tốt nhiệm vụ; năm 2023, 2024 hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ [H1-1.3-03]

Các tổ chức, đoàn thể của nhà trường hàng năm đều có những đóng góp tích cực vào các hoạt động của nhà trường và cộng đồng như: Tham gia đóng góp đầy đủ các loại quỹ khuyến học, quỹ vì người nghèo, ủng hộ phong trào 2 nghìn đồng mỗi ngày cho giáo dục, quỹ phòng chống thiên tai, mỗi năm tham gia hiến máu nhân đạo có từ 4 đến 6 đồng chí, các hoạt động đó đã đóng góp hiệu quả cho các hoạt động của nhà trường và cộng đồng [H1-1.3-01]; [H1-1.2-08].

2. Điểm mạnh

Trường có Chi bộ độc lập, Công đoàn và các tổ chức đoàn thể: Công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh. Chi bộ và các tổ chức đoàn thể hoạt động theo đúng Điều lệ. Chi bộ thực hiện nhiệm vụ lãnh đạo, chỉ đạo các hoạt động của nhà trường. Các tổ chức đoàn thể tham gia các hoạt động góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu giáo dục của nhà trường. Trong 5 năm có 03 năm đánh giá xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ, 02 năm được đánh giá xếp loại hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

3. Điểm yếu: Không.

Tỷ lệ đảng viên còn thấp 17/56 đạt 30,3 %.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Chi bộ nhà trường tiếp tục tham mưu với Đảng ủy xã Nhà Búng kết nạp quần chúng ưu tú được đứng trong hàng ngũ của đảng để tăng số lượng đảng viên trong chi bộ nhà trường, Nhà trường tiếp tục quần chúng ưu tú đi tham gia lớp bồi dưỡng tìm hiểu về đảng.	Bí thư chi bộ, cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên	Tờ trình, nghị quyết	Năm học 2024- 2025 đến năm 2030	Không
Các đoàn thể, tổ chức khác tiếp tục phối hợp thực hiện tốt các hoạt động của nhà trường. Tích cực học tập trao đổi kinh nghiệm với các đơn vị bạn, đưa ra các giải pháp đổi mới hình thức tổ chức các hoạt động phù hợp, góp phần nâng cao chất lượng về mọi mặt của nhà trường.	Chi bộ, các tổ chức đoàn thể	Phân công nhiệm vụ, quy chế hoạt động	Năm học 2024-2025 và các năm học tiếp theo	Không
Phát huy tinh thần tập trung dân chủ của các tổ chức đoàn thể, cá nhân trong nhà trường	Các tổ chức, đoàn thể	Phân công nhiệm vụ, quy chế hoạt động	Trong năm học 2024-2025 , các năm học tiếp theo	Không

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3.

Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng

Mức 1:

a) Có hiệu trưởng, số lượng phó hiệu trưởng theo quy định;

- b) Tổ chuyên môn và tổ văn phòng có cơ cấu tổ chức theo quy định;
- c) Tổ chuyên môn, tổ văn phòng có kế hoạch hoạt động và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.

Mức 2:

- a) Hằng năm, tổ chuyên môn đề xuất và thực hiện được ít nhất 01 (một) chuyên đề chuyên môn có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục;
- b) Hoạt động của tổ chuyên môn và tổ văn phòng được định kỳ rà soát, đánh giá, điều chỉnh.

Mức 3:

- a) Hoạt động của tổ chuyên môn và tổ văn phòng có đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường;
- b) Tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có 01 hiệu trưởng; 02 phó hiệu trưởng đủ theo quy định tại Thông tư số 19/2023/TT-BGDĐT ngày 30/10/2023. Hướng dẫn về vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập [H1-1.4-01];

Năm học 2024 – 2025 nhà trường có 04 tổ chuyên môn (Tổ mẫu giáo ghép có 16 đồng chí; Tổ mẫu giáo đơn 4-5 tuổi có 9 đồng chí; Tổ mẫu giáo đơn 3 tuổi có 8 đồng chí; Tổ nhà trẻ có 18 đồng chí), 01 tổ văn phòng có 08 đồng chí. Các tổ chuyên môn đều có tổ trưởng và tổ phó, tổ văn phòng có tổ trưởng theo quy định tại Điều lệ trường mầm non [H1-1.4-02];

Hằng năm tổ chuyên môn, tổ văn phòng xây dựng kế hoạch hoạt động theo tuần, tháng, năm học. Trong những năm học qua, tổ chuyên môn và tổ văn phòng thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho các thành viên trong tổ, kiểm tra đánh giá chất lượng, hiệu quả công tác nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục trẻ em, quản lý sử dụng tài liệu, đồ dùng, đồ chơi, thiết bị giáo dục; tham gia đánh giá, xếp loại giáo viên theo chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non, tham gia đánh giá xếp loại nhân viên; tổ chuyên môn tổ chức sinh hoạt định kỳ ít nhất hai tuần một lần, tổ văn phòng họp 1 lần/tháng theo quy định [H1-1.4 -03].

Mức 2:

Hằng năm các tổ chuyên môn căn cứ vào kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học của ngành, của trường, chất lượng chuyên môn và yêu cầu về chăm sóc giáo dục trẻ đề xuất các nội dung chuyên đề với chuyên môn nhà trường để xây dựng kế hoạch chung cho cả năm học, tháng, tuần. Căn cứ vào kế hoạch cụ thể của nhà trường, các tổ xây dựng và thực hiện chuyên đề giải quyết những

vướng mắc khó khăn thực tế của giáo viên, từ đó thúc đẩy chất lượng chuyên môn của giáo viên góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục. Các tổ đã đề xuất và thực hiện các chuyên đề như: Chuyên đề xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm, chuyên đề lồng ghép giáo dục giới, ứng phó với biến đổi khí hậu, lồng ghép học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, tăng cường Tiếng Việt cho học sinh dân tộc thiểu số, chuyên đề Tôi yêu Việt Nam chuyên đề giáo dục kỹ năng sống và các chuyên đề trải nghiệm, phối hợp với cha mẹ trẻ...[H1-1.1-04]; [H1-1.4-03];

Hàng năm các tổ chuyên môn, tổ văn phòng tổ chức hoạt động theo đúng kế hoạch (sinh hoạt 2 lần/tháng), định kỳ rà soát, điều chỉnh kế hoạch cho phù hợp với tình hình thực tế của tổ và của nhà trường [H1-1.1-04]; [H1-1.4-03].

Mức 3:

Hoạt động của tổ chuyên môn và tổ văn phòng có đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường như: Tổ chức các chuyên đề, xây dựng khâu phân, thực đơn đảm bảo dinh dưỡng cho trẻ, phối hợp tổ chức tốt các hội thi, các hoạt động tham quan, lễ hội; Thực hiện bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ 2 tuần 1 lần theo quy định, kiểm tra, đánh giá chất lượng, hiệu quả công tác nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ và quản lý sử dụng tài liệu, đồ dùng, đồ chơi, thiết bị dạy học của tổ, tham gia đánh giá chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non, đánh giá nhân viên theo quy định; góp phần nâng cao chất lượng các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ của nhà trường [H1-1.2-08];

Hàng năm các tổ chuyên môn thực hiện đầy đủ các chuyên đề, chuyên môn theo kế hoạch, có sự tham gia đóng góp của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên góp phần nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ [H1-1.4-03].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đủ số lượng cán bộ quản lý theo quy định. 100% cán bộ quản lý có trình độ đào tạo trên chuẩn, có năng lực quản lý, điều hành các hoạt động của nhà trường. Có các tổ chuyên môn, tổ văn phòng theo quy định của Điều lệ trường Mầm non. Hàng năm các tổ chuyên môn, tổ văn phòng xây dựng kế hoạch, tổ chức các hoạt động có hiệu quả góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ. Định kỳ thực hiện tốt việc rà soát, đánh giá, điều chỉnh bổ sung các hoạt động phù hợp với tình hình thực tế của nhà trường.

3. Điểm yếu: Không.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Nhà trường tiếp tục duy trì	Cán bộ	Các quyết	Năm học	Không

và kiện toàn cấu tổ chức và hoạt động có hiệu quả phù hợp với thực tế của Nhà trường.	quản lý	định thành lập	2024-2025 và các năm tiếp theo.	
Các tổ chuyên môn tiếp tục chủ động, tích cực đề xuất nội dung chuyên đề chuyên sâu nhằm tháo gỡ những khó khăn vướng mắc cho các thành viên trong tổ.	Cán bộ quản lý, tổ trưởng, giáo viên nhân viên	Kế hoạch sinh hoạt chuyên môn, kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên	Năm học 2024-2025 và các năm tiếp theo	Không

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3.

Tiêu chí 1.5: Tổ chức nhóm trẻ và lớp mẫu giáo

Mức 1:

a) Các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo được phân chia theo độ tuổi; trong trường hợp số lượng trẻ trong mỗi nhóm, lớp không đủ 50% so với số trẻ tối đa quy định tại Điều lệ Trường mầm non thì được tổ chức thành nhóm trẻ ghép hoặc lớp mẫu giáo ghép;

b) Các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo được tổ chức học 2 buổi trên ngày;

c) Mỗi nhóm trẻ, lớp mẫu giáo có không quá 02 (hai) trẻ em cùng một dạng khuyết tật.

Mức 2:

Số trẻ trong các nhóm trẻ và lớp mẫu giáo không vượt quá quy định và được phân chia theo độ tuổi.

Mức 3:

Nhà trường có không quá 20 (hai mươi) nhóm trẻ, lớp mẫu giáo.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Trong từng năm học nhà trường tổ chức tuyển sinh theo yêu cầu phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi đúng theo quy định, đảm bảo số lớp, số học sinh ra lớp Theo Điều 5 trong Nghị định số 24/2021/NĐ-CP ngày 23/3/2021 của Chính phủ Nghị định Quy định việc quản lý trong cơ sở giáo dục mầm non và cơ sở giáo dục phổ thông công lập [H1-1.5-01]; [1.5-02];

Trong năm học vừa qua, các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo của nhà trường được phân chia theo độ tuổi và lớp ghép theo quy định của Điều lệ trường mầm non. Năm học 2024 -2025 nhà trường có 27 nhóm, lớp với 811 trẻ, trong đó: 9 nhóm trẻ với 233 trẻ, 18 lớp mẫu giáo với 578 trẻ; lớp mẫu giáo đơn 3 tuổi **4 lớp: 141 trẻ; mẫu giáo nhỡ 3 lớp: 100 trẻ ; mẫu giáo lớn 3 lớp: 88 trẻ; lớp mẫu giáo ghép**

3 độ tuổi (3,4,5 tuổi) 03 lớp: 86 trẻ; lớp mẫu giáo ghép 2 độ tuổi (3-4) 02 lớp: 68 trẻ, lớp mẫu giáo ghép 2 độ tuổi (4-5) 03 lớp: 95 trẻ [H1-1.5-01]; [H1-1.5-02];

100% các nhóm, lớp được tổ chức ăn bán trú học 2 buổi/ngày đảm bảo theo quy định [H1-1.5-03].

Mức 2:

Hàng năm số trẻ trong các nhóm trẻ và lớp mẫu giáo của nhà trường đều được phân chia theo độ tuổi và không vượt quá số lượng trẻ theo quy định. Năm học 2024-2025 nhà trường có 27 nhóm, lớp với 811 trẻ, trong đó: 09 nhóm trẻ với 233 trẻ, 18 lớp mẫu giáo với 578 trẻ; lớp mẫu giáo đơn 3 tuổi 4 lớp: 141 trẻ; mẫu giáo nhỡ 3 lớp: 100 trẻ ; mẫu giáo lớn 3 lớp: 88 trẻ; lớp mẫu giáo ghép 3 độ tuổi (3,4,5 tuổi) 03 lớp: 86 trẻ; lớp mẫu giáo ghép 2 độ tuổi (3-4) 02 lớp: 68 trẻ, lớp mẫu giáo ghép 2 độ tuổi (4-5) 03 lớp: 95 trẻ. Số trẻ trong các nhóm trẻ và lớp mẫu giáo không vượt quá quy định [H1-1.5-01]; [1.5-02].

Mức 3:

Trong các năm học số trẻ trong nhóm trẻ, lớp mẫu giáo được phân chia theo độ tuổi, nhà trường không có số trẻ vượt quá quy định mức tối đa theo Thông tư số 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 của Bộ GD&ĐT ban hành Điều lệ trường mầm non. Tính đến thời điểm đánh giá nhà trường có 27 nhóm lớp với 811 trẻ: trong đó có 09 nhóm trẻ với 23 trẻ; 18 lớp mẫu giáo với 578 trẻ [H1-1.5-03].

2. Điểm mạnh

Nhà trường tổ chức tuyển sinh theo yêu cầu phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi đúng theo quy định, đảm bảo số lớp, số học sinh ra lớp. Hàng năm các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo của nhà trường được phân chia theo độ tuổi quy định tại Điều lệ trường mầm non, 100% các lớp được học 2 buổi/ngày và ăn bán trú tại trường.

3. Điểm yếu

Do đặc điểm địa phương tính đến thời điểm hiện tại nhà trường có 08 lớp ghép: 02 lớp 3+4 tuổi, 03 lớp 4+5 tuổi. 03 lớp 3+4+5 tuổi.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện
Xây dựng kế hoạch phương hướng chiến lược phát triển nhà trường và giao chỉ tiêu huy động trẻ cho từng giáo viên đảm bảo số học sinh/nhóm, lớp đúng theo quy định.	Hiệu trưởng	Dân số trẻ trên địa bàn; Cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên đủ theo quy định	Giai đoạn 2025 -2030

Tăng cường tuyên truyền qua các buổi họp Hội đồng nhân dân phường, các buổi họp cha mẹ học sinh, qua zalo, feboook tuyên truyền tới cha mẹ học sinh cho trẻ ra lớp đúng độ tuổi, bố trí sắp xếp phù hợp cho trẻ học theo độ tuổi đúng quy định.	Cán bộ quản lý, giáo viên, cha mẹ học sinh	Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học. Kế hoạch giáo dục trẻ em. Phân công nhiệm vụ hàng năm	Trong các năm học tiếp theo
---	--	--	-----------------------------

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3.

6. Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản

Mức 1:

a) Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ theo quy định;

b) Lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản; công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định; quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành;

c) Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục.

Mức 2:

a) Ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán.

Mức 3:

Có kế hoạch ngắn hạn, trung hạn, dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có đầy đủ các loại hồ sơ sổ sách đảm bảo theo quy định theo Điều lệ Trường mầm non. Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ đầy đủ theo quy định tại mục 1 chương II của luật lưu trữ bao gồm các hồ sơ: Hồ sơ quản lý trẻ em [H1-1.5-03]; hồ sơ quản lý cán bộ, giáo viên, nhân viên [H1-1.6-01]; kế hoạch phát triển nhà trường [H1-1.1-02] và kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục theo năm học [H1-1.6-02]; hồ sơ phổ cập giáo dục [H1-1.5-01]; hồ sơ quản lý tài sản, tài chính [H1-1.6-03]; hồ sơ quản lý văn bản [H1-1.6-04]; hồ sơ khuyết tật [H1-1.5-04]

Hàng năm, nhà trường đều lập dự toán, thực hiện công tác thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản theo quy định; định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản, lưu trữ chứng từ thu, chi, quyết toán đầy đủ và công khai theo quy định. Quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường và các quy định hiện hành, có đầy đủ các chứng từ, lưu trữ theo quy định [H1-1.6-03];

Hàng năm, nhà trường đã quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đảm bảo đúng mục đích, có hiệu quả cao để phục vụ các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Có đầy đủ hồ sơ, chứng từ, lưu trữ theo quy định [H1-1.6-03].

Mức 2

Trong các năm học qua nhà trường thực hiện tốt việc ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường, đặc biệt thực hiện tốt việc chuyển đổi số tiến tới không dùng tiền mặt trong trường học như: ứng dụng và sử dụng tốt các phần mềm (cơ sở dữ liệu quốc gia, ứng dụng cơ sở dữ liệu ngành phần mềm quản lý tài chính, phần mềm quản lý tài sản, phần mềm phổ cập giáo dục - xóa mù chữ); đăng ký và sử dụng hiệu quả chứng thư số, ứng dụng VNeID mức độ 2; hỗ trợ hướng dẫn mở và sử dụng tài khoản cho 100% cha mẹ trẻ em trong trường; ứng dụng triển khai các loại hồ sơ điện tử eDoc; hồ sơ quản lý bán trú, hồ sơ quản lý tài sản các nhóm, lớp, phòng, ban; đăng tin bài truyền thông theo quy định (công khai các loại hồ sơ quản lý hành chính, tài chính, tài sản, bán trú trên website của trường)... [1.5-02];

Trong 5 năm liên tiếp từ năm 2020 đến năm 2024 nhà trường không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản [H1-1.2-01]; [H1-1.2-08]; [H1-1.6-03].

Mức 3

Nhà trường đã xây dựng kế hoạch ngắn hạn, trung hạn, dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương và các quy định của pháp luật như: Kế hoạch vận động tài trợ xã hội hóa giáo dục theo từng năm học, đề án vị trí việc làm, Kế hoạch phát triển nhà trường; Phương hướng chiến lược phát triển trường mầm non Nà Bùng giai đoạn 2021-2026, định hướng đến năm 2030; kế hoạch tài chính giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030; Kế hoạch phát triển quy mô giáo dục mầm non giai đoạn 2021-2026 định hướng đến năm 2030; nhà trường quản lý, sử dụng có hiệu quả các nguồn tài chính từ ngân sách nhà nước cấp và kinh phí xã hội hóa giáo dục; khai thác và sử dụng có hiệu quả cơ sở vật chất hiện có để phục vụ cho các hoạt động giáo dục [H1-1.1-01]; [H1-1.1-02]; [H1-1.6-03].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đầy đủ các loại hồ sơ sổ sách, được lưu trữ đầy đủ theo quy định của luật lưu trữ. Hàng năm đã làm tốt công tác quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động chăm sóc, giáo dục. Trong những năm vừa qua nhà trường sử dụng có hiệu quả việc ứng dụng

công nghệ thông tin trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường. Trong 5 năm liên tiếp nhà trường không vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính, tài sản. Nhà trường quản lý, sử dụng có hiệu quả các nguồn tài chính từ ngân sách nhà nước cấp và kinh phí xã hội hóa giáo dục.

3. Điểm yếu: Không.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện
Nhà trường tiếp tục chỉ đạo thực hiện tốt nhiệm vụ quản lý hành chính, tài chính và tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động chăm sóc giáo dục.	Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên.	Kế hoạch thực hiện năm học, kế hoạch phát triển nhà trường và kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục theo năm học.	Năm học 2024-2025 và các năm học tiếp theo.
Bồi dưỡng việc ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý hành chính tài chính và tài sản của nhà trường.	Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên.	Kế hoạch thực hiện năm học, kế hoạch phát triển nhà trường và kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục theo năm học.	Năm học 2024-2025 và các năm học tiếp theo.
Hàng năm xây dựng kế hoạch vận động tài trợ tuyên truyền tới nhân dân, các đoàn thể, các tổ chức chính trị xã hội, các doanh nghiệp, các cá nhân và các bậc cha mẹ trẻ về công tác xã hội hóa giáo dục nhằm nâng cao chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ.	Cán bộ quản lý, nhân viên kế toán	Kế hoạch vận động tài trợ tuyên truyền tới nhân dân	Năm học 2024-2025 và các năm học tiếp theo.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3.

Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên

Mức 1:

a) Có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên;

b) Phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý, đảm bảo hiệu quả hoạt động của nhà trường;

c) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định.

Mức 2:

Có biện pháp để phát huy được năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

Hằng năm, nhà trường xây dựng kế hoạch sinh hoạt chuyên môn; kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, đưa ra các nội dung, nhiệm vụ cụ thể cho việc bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên [H1-1.7-01];

Hằng năm, nhà trường thực hiện phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên đảm bảo rõ ràng hợp lý, phù hợp với năng lực sở trường công tác, đảm bảo hiệu quả nhằm phát huy khả năng của mỗi cá nhân trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường [H1-1.7-02];

100% cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định của Điều 10 và Điều 29 tại Thông tư 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. 100% cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được đảm bảo các quyền: Được tôn trọng, bảo vệ nhân phẩm, danh dự và thân thể, được hưởng các quyền lợi về vật chất, tinh thần theo quy định; được tự chủ thực hiện nhiệm vụ chuyên môn với sự hỗ trợ của tổ chuyên môn và nhà trường, được đảm bảo các điều kiện để thực hiện nhiệm vụ nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em; được hưởng tiền lương, phụ cấp, trợ cấp và các chế độ khác theo quy định của pháp luật; được tạo điều kiện học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, hưởng nguyên lương, phụ cấp theo lương, các phụ cấp ưu đãi và các chế độ chính sách khác theo quy định khi được cấp có thẩm quyền cử đi học tập bồi dưỡng; được khen thưởng, tặng danh hiệu thi đua và các danh hiệu cao quý khác, các quyền khác theo quy định của pháp luật [H1-1.2-08]; [H1-1.3-01].

Mức 2

Trong các năm qua nhà trường có các biện pháp để phát huy năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên. Nhà trường tạo điều kiện cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên tham gia các lớp bồi dưỡng, tập huấn nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ như: tham gia học lớp bồi dưỡng lý luận chính trị, chức danh nghề nghiệp, tin học, ngoại ngữ... Tổ chức có hiệu quả các hoạt động giáo

dục góp phần phát triển và nâng cao chất lượng toàn diện của nhà trường [H1-1.2-08].

2. Điểm mạnh

Nhà trường xây dựng đầy đủ các loại kế hoạch theo quy định, có các nội dung bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, phân công nhiệm vụ cụ thể, hợp lý, rõ ràng phù hợp với năng lực, điều kiện hoàn cảnh của từng người, có những biện pháp phát huy được khả năng của đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên trong xây dựng, phát triển, nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục của nhà trường. Đồng thời đảm bảo cho 100% cán bộ, giáo viên, nhân viên trong nhà trường được hưởng các quyền theo quy định.

3. Điểm yếu: Không.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Tiếp tục xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi dưỡng nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên đạt hiệu quả cao.	Cán bộ quản lý, tổ trưởng	Kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn	Năm học 2024-2025 và những năm học tiếp theo	Không
Sử dụng có hiệu quả nguồn nhân lực, duy trì đảm bảo đầy đủ các quyền lợi cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên theo quy định.	Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên	Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học	Năm học 2024-2025 và những năm học tiếp theo	Không

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2.

Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục

Mức 1:

a) Kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường;

b) Kế hoạch giáo dục được thực hiện đầy đủ;

c) Kế hoạch giáo dục được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời.

Mức 2:

Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ, được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

Trong các năm học nhà trường căn cứ vào Chương trình Giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành để chỉ đạo xây dựng chương trình giáo dục nhà trường, từ năm học 2021-2022 nhà trường xây dựng chương trình giáo dục nhà trường theo Thông tư 51/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Thông tư sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Chương trình giáo dục mầm non, lựa chọn mục tiêu, nội dung, hoạt động phù hợp với nhận thức của học sinh, đảm bảo mục tiêu cuối độ tuổi, phù hợp với điều kiện của lớp, của trường và địa phương [H1-1.2-04];

Nhà trường thực hiện kế hoạch phát triển giáo dục, chương trình giáo dục nhà trường đúng quy định [H1-1.2-04], giáo viên xây dựng và thực hiện kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục của nhóm trẻ, lớp mẫu giáo theo quy định của trường của ngành và địa phương đảm bảo hiệu quả cao trong các hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ [H1-1.6-02];

Nhà trường, tổ chuyên môn phối hợp định kỳ kiểm tra, rà soát, đánh giá và điều chỉnh kế hoạch hoạt động giáo dục kịp thời cho phù hợp với điều kiện thực tế của từng nhóm, lớp [H1-1.8-01].

Mức 2

Hàng năm, nhà trường tiến hành sơ kết, tổng kết việc thực hiện kế hoạch phát triển giáo dục, đánh giá chương trình giáo dục nhà trường theo định kỳ [H1-1.2-07], xây dựng kế hoạch kiểm tra nội bộ để kiểm tra đánh giá các hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ của từng nhóm, lớp được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả [H1-1.8-01].

2. Điểm mạnh

Nhà trường xây dựng kế hoạch giáo dục sát với chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, đảm bảo phù hợp với với khả năng, năng lực của từng trẻ, với điều kiện của lớp, của trường và địa phương, triển khai thực hiện kế hoạch đầy đủ, hiệu quả và được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời. Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả.

3. Điểm yếu: Không.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
--	---------------------------	-------------------------------	----------------------------	-------------------------

Nhà trường tiếp tục chỉ đạo thực hiện tốt việc xây dựng kế hoạch phát triển nhà trường, kế hoạch giáo dục, chương trình giáo dục nhà trường và triển khai phù hợp, có hiệu quả với độ tuổi và điều kiện thực tế.	Cán bộ quản lý	Phương hướng chiến lược phát triển nhà trường theo từng năm học, kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục của nhóm trẻ, lớp mẫu giáo	Năm học 2024-2025 và những năm học tiếp theo	Không
Tiếp tục rà soát, kiểm tra, đánh giá, điều chỉnh kịp thời phù hợp với điều kiện thực tế.	Cán bộ quản lý	Phương hướng chiến lược phát triển nhà trường theo từng năm học, kế hoạch kiểm tra nội bộ	Năm học 2024-2025 và những năm học tiếp theo	Không

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2.

Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở

Mức 1:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường;

b) Các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (nếu có) thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường được giải quyết đúng pháp luật;

c) Hằng năm có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ.

Mức 2:

Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ trong nhà trường đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

Hằng năm cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong trường được tham gia, thảo luận đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định và quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường tại Hội nghị cán bộ viên chức như: Các mục tiêu, nhiệm vụ, phương hướng chiến lược phát triển nhà trường [H1-1.1-05], quy chế dân chủ, quy tắc ứng xử văn hóa trường học, quy

chế chuyên môn, quy chế quản lý tài sản, thực hiện huy động trẻ ra lớp và các quy định khác liên quan đến các hoạt động của nhà trường [H1-1.9-01];

Nhà trường luôn thực hiện tốt, đầy đủ các chế độ chính sách theo quy định, đúng pháp luật, trong 5 năm qua nhà trường không có đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của cán bộ, giáo viên, nhân viên, cha mẹ trẻ trong việc thực hiện nhiệm vụ giáo dục và các hoạt động khác của nhà trường [H1-1.1-05]; [H1-1.2-08]; [H1-1.9-01];

Hàng năm nhà trường làm tốt công tác báo cáo kịp thời lên cấp trên về kết quả thực hiện quy chế dân chủ tại đơn vị, có các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ trong nhà trường đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả [H1-1.9-01].

Mức 2

Hội đồng trường [H1-1.1-04], Ban thanh tra nhân dân của nhà trường đã có các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả: công khai chất lượng chăm sóc, giáo dục, chất lượng đội ngũ giáo viên, chất lượng học sinh, tài chính, tài sản, các kế hoạch của nhà trường, công tác thi đua, bình xét nâng lương, công tác Đảng, các văn bản liên quan đến chế độ chính sách cán bộ, giáo viên, nhân viên và kết quả xã hội hóa trên bảng tin, bảng công khai, báo cáo tổng kết của nhà trường để mọi người cùng biết [H1-1.1-05].

2. Điểm mạnh

Hàng năm nhà trường thực hiện tốt quy chế dân chủ, đảm bảo 100% cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy chế hoạt động, quy chế chi tiêu nội bộ. Công tác dân chủ tại đơn vị được trú trọng nên không có đơn thư khiếu nại, tố cáo. Nhà trường làm tốt công tác báo cáo kịp thời lên cấp trên về kết quả thực hiện quy chế dân chủ tại đơn vị. Có các biện pháp, cơ chế giám sát việc thực hiện theo quy định, đảm bảo công khai, minh bạch dưới mọi hình thức trong các hoạt động của nhà trường.

3. Điểm yếu: Không

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Nhà trường thực hiện tốt công tác dân chủ, công khai minh bạch, phát huy quyền dân chủ của cán bộ, giáo viên, nhân viên trong	Cán bộ quản lý	Quy chế dân chủ, bảng công khai, trang Web của trường	Năm học 2024-2025 và những năm học tiếp theo	Không

việc góp ý nội quy quy chế, quy định liên quan đến các hoạt động của nhà trường.				
Lắng nghe ý kiến, khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của đội ngũ, phụ huynh và cộng đồng để kịp thời giải quyết.	Cán bộ quản lý.	Quy chế dân chủ trong nhà trường, nội quy, quy chế trường học.	Năm 2024-2025 và trong các năm học tiếp theo	Không
Hội đồng trường, Ban thanh tra nhân dân tăng cường các giải pháp, cơ chế giám sát thực hiện quy chế dân chủ	Các thành viên Hội đồng trường, Ban thanh tra nhân dân	Kế hoạch Hội đồng trường, Kế hoạch Ban thanh tra nhân dân	Năm 2024-2025 và trong các năm học tiếp theo	Không

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2.

Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học

Mức 1:

a) Có phương án đảm bảo an ninh trật tự, vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích, an toàn phòng, chống chất nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường; những trường có tổ chức bếp ăn cho trẻ được cấp giấy nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm;

b) Có hộp thư góp ý, đường dây nóng và các hình thức khác để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân; đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý giáo viên, nhân viên và trẻ trong nhà trường;

c) Không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường.

Mức 2:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ được phổ biến, hướng dẫn thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy nổ; an toàn phòng, chống thảm họa thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường;

b) Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

Nhà trường có đầy đủ các loại phương án, kế hoạch như: Kế hoạch xây dựng trường học an toàn, phòng chống tai nạn, thương tích trong trường học [H1-1.10-01]; Phương án phòng chống ngộ độc thực phẩm cho trẻ trong trường mầm non. Biên bản giám sát công tác an toàn thực phẩm [H1-1.10-02]; phương án an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; phương án phòng, chống dịch bệnh [H1-1.10-03]; phương án phòng cháy chữa cháy; phương án an toàn phòng chống thảm họa, thiên tai [H1-1.10-04]; Kế hoạch phòng chống bạo lực học đường. [H1-1.10-05];

Nhà trường có hòm thư góp ý được để ở nơi thuận lợi, có số điện thoại đường dây nóng để tiếp nhận, xử lý kịp thời các thông tin phản ánh của cán bộ, giáo viên, nhân viên, phụ huynh học sinh, của người dân, cá nhân tham gia đóng góp ý kiến. Đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ trong nhà trường [1.10-06];

Trong 05 năm nhà trường không có cán bộ, giáo viên, nhân viên nào có hiện tượng kỳ thị, có hành vi bạo lực trẻ em và những hành vi, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới [H1-1.2-08].

Mức 2

Nhà trường đã phổ biến, hướng dẫn cho tất cả cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh thực hiện các phương án, kế hoạch như: Kế hoạch xây dựng trường học an toàn, phòng chống tai nạn, thương tích trong trường học [H1-1.10-01]; Phương án phòng chống ngộ độc thực phẩm cho trẻ trong trường mầm non. Biên bản giám sát công tác an toàn thực phẩm [H1-1.10-02]; phương án an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; phương án phòng, chống dịch bệnh [H1-1.10-03]; phương án phòng cháy chữa cháy; phương án an toàn phòng chống thảm họa, thiên tai [H1-1.10-04]; Kế hoạch phòng chống bạo lực học đường. [H1-1.10-05];

Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, đảm bảo an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả. Trong các năm học không có hiện tượng liên quan đến bạo lực học đường trong nhà trường [H1-1.2-08].

2. Điểm mạnh

Nhà trường xây dựng đầy đủ các phương án theo quy định, phổ biến, hướng dẫn tới toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh, thực hiện có hiệu quả. Có hòm thư góp ý để ở nơi thuận tiện để cho giáo viên, nhân viên, phụ huynh học sinh và các tổ chức, cá nhân tham gia đóng góp ý kiến. Thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực trong nhà trường, đảm bảo an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả. Không có trường hợp nào bị kỳ thị, không có cán bộ, giáo

viên, nhân viên nào có hành vi bạo lực trẻ em và những hành vi, vi phạm pháp luật khác trong nhà trường.

3. Điểm yếu: Không

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Nhà trường tiếp tục triển khai, phổ biến thực hiện hiệu quả các phương án để đảm bảo tuyệt đối an toàn tính mạng cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh.	Cán bộ quản lý	Các phương án, kế hoạch thực hiện	Năm học 2023-2024 và những năm học tiếp theo	Không

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2.

Kết luận về tiêu chuẩn 1

Nhà trường có phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 và theo từng năm học được các cấp có thẩm quyền phê duyệt. Cơ cấu tổ chức bộ máy của nhà trường đảm bảo theo quy định tại Điều lệ trường mầm non; có chi bộ Đảng và các đoàn thể hoạt động theo đúng quy định; có Hiệu trưởng, phó Hiệu trưởng, tổ chuyên môn, tổ văn phòng đủ theo quy định. Các tổ khối hoạt động hiệu quả, được định kỳ rà soát đánh giá và điều chỉnh.

Trẻ trong nhà trường được phân chia theo độ tuổi, 100% trẻ được học 2 buổi/ngày.

Năm học 2024- 2025 nhà trường có 01 học sinh khuyết tật được học hoà nhập.

Nhà trường có đầy đủ hệ thống hồ sơ và được lưu trữ theo quy định của Luật lưu trữ; hằng năm quản lý tài chính, lập dự toán thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính, tài sản đúng mục đích, có hiệu quả trong các hoạt động giáo dục. Quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành. Ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường. Nhà trường có kế hoạch trung hạn, dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp với điều kiện của nhà trường, thực tế địa phương. Có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ giáo viên, nhân viên. Thực hiện phân công, sử dụng cán bộ hợp lý, hiệu quả, đảm bảo được các quyền, chế độ theo quy định. Quản lý tốt các hoạt động giáo dục, xây dựng kế hoạch hoạt động phù hợp với quy định, điều kiện thực tế, đảm bảo mục tiêu giáo dục, định kỳ có rà

soát, đánh giá, điều chỉnh, bổ sung kịp thời, chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ đạt hiệu quả. Nhà trường đã thực hiện nghiêm túc quy chế dân chủ, hằng năm có báo cáo việc thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở với phòng Giáo dục và Đào tạo đúng quy định. Thực hiện nghiêm túc quy chế, các phương án đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học được nhà trường công khai, minh bạch. Công tác an ninh trật tự, an toàn trường học được đảm bảo, không có hiện tượng kỳ thị bạo lực, vi phạm pháp luật trong nhà trường.

*** Kết quả tự đánh giá**

- Số tiêu chí đạt yêu cầu mức 1: 10/10
- Số tiêu chí đạt yêu cầu mức 2: 10/10
- Số tiêu chí đạt yêu cầu mức 3: 4/10

Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

Mở đầu

Nhà trường có đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên có phẩm chất đạo đức tốt, tâm huyết với nghề nghiệp, 100% đội ngũ cán bộ giáo viên, nhân viên có trình độ đào tạo đạt chuẩn trở lên, trong đó tỷ lệ trên chuẩn đạt ở mức cao. Chất lượng, năng lực đội ngũ từng bước được nâng lên đáp ứng với nhiệm vụ chăm sóc, giáo dục trẻ theo chương trình giáo dục mầm non và yêu cầu đổi mới về giáo dục mầm non trong giai đoạn hiện nay.

Hiệu trưởng và phó hiệu trưởng của nhà trường có nhiều năm công tác liên tục trong ngành giáo dục mầm non, có năng lực quản lý và khả năng ứng dụng công nghệ thông tin tốt trong quản lý và chỉ đạo chuyên môn. Hiệu trưởng và các phó hiệu trưởng đều có trình độ đại học, có bằng trung cấp lý luận chính trị và được bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý giáo dục. Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên thường xuyên được bồi dưỡng và tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ.

Hằng năm, cán bộ quản lý được đánh giá xếp loại theo chuẩn hiệu trưởng, chuẩn phó hiệu trưởng đạt ở mức khá trở lên. Đội ngũ được bố trí công việc phù hợp với vị trí việc làm, giúp phát huy khả năng, năng lực của từng cá nhân. Tất cả cán bộ, giáo viên và nhân viên đều được tham gia các lớp bồi dưỡng để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, được đảm bảo các quyền lợi, chế độ chính sách của Đảng, Nhà nước, của ngành, được đánh giá xếp loại hằng năm. Đội ngũ giáo viên, nhân viên được phân công công việc phù hợp với chuyên môn nghiệp vụ, năng lực thực tế và thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao. Không có cán bộ, giáo viên, nhân viên vi phạm pháp luật.

Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng

Mức 1:

- a) Đạt tiêu chuẩn theo quy định;
- b) Được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng trở lên;

c) Được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định.

Mức 2:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 02 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên;

b) Được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo quy định; được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm.

Mức 3:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, đạt chuẩn Hiệu trưởng ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 01 năm đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức tốt.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

Nhà trường có 01 hiệu trưởng, 02 phó hiệu trưởng đáp ứng được các tiêu chuẩn quy định tại Điều lệ trường mầm non [H1-1.4-01]; Hiệu trưởng có thời gian công tác liên tục trong giáo dục mầm non là 15 năm, phó hiệu trưởng thời gian công tác liên tục trong ngành giáo dục mầm non là 19 năm trở lên [H2-2.1-01];

Hàng năm Hiệu trưởng, các phó Hiệu trưởng được đánh giá xếp loại theo chuẩn Hiệu trưởng đạt từ khá trở lên: Hiệu trưởng 05 năm đều được đánh giá xếp loại chuẩn Hiệu trưởng ở mức khá; 02 phó Hiệu trưởng có 01 năm xếp loại mức tốt, 04 năm xếp loại mức khá [H2-2.1-02];

Hiệu trưởng và phó hiệu trưởng đều có trình độ đạo tạo trên chuẩn, bằng trung cấp lý luận chính trị, hoàn thành chương trình bồi dưỡng cán bộ quản lý, có uy tín về chính trị, đạo đức, lối sống, chuyên môn, nghiệp vụ; điều hành các hoạt động của nhà trường [H2-2.1-03].

Mức 2

Trong 5 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá Hiệu trưởng được đánh giá, xếp loại chuẩn Hiệu trưởng ở mức khá, 02 phó Hiệu trưởng năm học 2023 - 2024 xếp loại ở mức tốt, 4 năm còn lại xếp loại ở mức khá [H2-2.1-02];

Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng có bằng trung cấp lý luận chính trị [H2-2.1-03], hàng năm được bồi dưỡng, tập huấn các lớp chính trị theo quy định [H2-2.1-04]. Trong quá trình công tác cán bộ quản lý luôn được sự tín nhiệm của tập thể giáo viên, nhân viên trong trường đánh giá tốt về phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống và năng lực chuyên môn nghiệp vụ, luôn hoàn thành tốt các nhiệm vụ, được lãnh đạo các cấp đánh giá cao và khen thưởng [H2-2.1-05].

Mức 3

Trong 5 năm liên tiếp tính đến thời điểm được đánh giá hiệu trưởng đều được phòng Giáo dục và Đào tạo đánh giá chuẩn hiệu trưởng xếp loại khá; phó hiệu trưởng Lò Thị Hà được phòng Giáo dục và Đào tạo đánh giá 1 năm xếp loại

tốt, 4 năm xếp loại khá; phó hiệu trưởng Lương Thị Phương Chiều được phòng Giáo dục và Đào tạo đánh giá có 01 năm xếp loại tốt, 4 năm xếp loại khá [H2-2.1-02].

2. Điểm mạnh

100% cán bộ quản lý trong nhà trường đảm bảo các yêu cầu theo quy định về trình độ đào tạo, năm công tác theo quy định. Tham gia đầy đủ các lớp bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục, lý luận chính trị. Có uy tín về phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống, chuyên môn, nghiệp vụ, có năng lực tổ chức, quản lý điều hành các hoạt động của nhà trường. Trong 05 năm liên tiếp hiệu trưởng được Phòng Giáo dục và Đào tạo đánh giá chuẩn hiệu trưởng xếp loại khá; 02 phó hiệu trưởng được phòng Giáo dục và Đào tạo đánh giá 4 năm xếp loại khá, 01 năm xếp loại tốt.

3. Điểm yếu: Trong năm năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá hiệu trưởng chưa được đánh giá chuẩn nghề nghiệp xếp loại tốt.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian hoàn thành	Dự kiến kinh phí
Cán bộ quản lý nhà trường tiếp tục tích cực bồi dưỡng nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ quản lý đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục.	Cán bộ quản lý.	Thông tư số 25/2018/TT-BGDĐT ban hành quy định chuẩn hiệu trưởng cơ sở giáo dục	Trong năm học 2024-2025	Không

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2.

Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên

Mức 1:

a) Có đội ngũ giáo viên đủ về số lượng, hợp lý về cơ cấu đảm bảo thực hiện Chương trình giáo dục mầm non theo quy định;

b) Tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo đảm bảo quy định của Chính phủ và lộ trình nâng chuẩn trình độ đào tạo giáo viên theo kế hoạch của tỉnh; thành phố trực thuộc trung ương;

c) Có ít nhất 95% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên.

Mức 2:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên, trong đó có ít nhất 60% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên và ít nhất 50% ở mức khá trở lên đối với trường thuộc vùng khó khăn;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 80% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 30% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt; đối với trường thuộc vùng khó khăn có ít nhất 70% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 20% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

Năm học 2024 - 2025 nhà trường có tổng số 51 giáo viên/27 nhóm lớp, tỷ lệ 2,08 giáo viên trên lớp đảm bảo theo quy định tại Thông tư số 19/2023/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn định mức biên chế sự nghiệp trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập [H1-1.6-01]; [H1-1.7-02];

Nhà trường có 87,5% giáo viên trên chuẩn về trình độ đào tạo [H2-2.2-01];

Hàng năm có từ 80% đến 100% giáo viên được nhà trường đánh giá chuẩn nghề nghiệp ở mức khá trở lên [H2-2.2-02].

Mức 2

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường có từ 80% đến 100% giáo viên được đánh giá đạt chuẩn nghề nghiệp ở mức khá trở lên [H2-2.2-02];

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên [H1-1.2-08].

Mức 3

Trong 05 liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường có ít nhất 100% giáo viên được đánh giá đạt chuẩn nghề nghiệp từ mức đạt trở lên, cụ thể: Trong đó: Năm học 2021 - 2022 chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non đạt mức tốt 17/39 đạt 43,5%, khá 14/39 đạt 35,8%, Đạt 8/39 đạt 20,7%; năm học 2022 - 2023 chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non đạt mức tốt 16/38 đạt 42,1%, khá 17/38 đạt 44,7%, đạt 5/38 đạt 13,2%; năm học 2023- 2024 chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non đạt mức tốt 21/41 đạt 51,2%, Khá 18/41 đạt 43,9%; Đạt 2/41 đạt 4,9%; năm học 2024- 2025 chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non đạt mức tốt 26/51 đạt 62%, Khá 16/42 đạt 38%; [H2-2.2-02]; [1.6-09]. Tuy nhiên việc sử dụng các phần mềm ứng dụng cơ bản trong chăm sóc, giáo dục trẻ em và quản

lý nhóm lớp, xây dựng bài giảng điện tử của một số giáo viên còn hạn chế [H2-2.2-02].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đủ số lượng giáo viên, hợp lý về cơ cấu đảm bảo thực hiện chương trình giáo dục mầm non theo quy định. Tỷ lệ giáo viên đạt trình độ trên chuẩn 87,5%. Hằng năm công tác đánh giá, xếp loại giáo viên theo chuẩn nghề nghiệp được triển khai và thực hiện nghiêm túc 80% đến 100% giáo viên được đánh giá, xếp loại khá trở lên về chuẩn nghề nghiệp giáo viên. Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

3. Điểm yếu: Việc sử dụng các phần mềm ứng dụng cơ bản trong chăm sóc, giáo dục trẻ em và quản lý nhóm lớp, xây dựng bài giảng điện tử của một số giáo viên còn hạn chế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Tiếp tục tạo điều kiện cho giáo viên tham gia học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.	Cán bộ quản lý, Giáo viên	Thông tư 26/2018/TT-BGDĐT chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non	Trong năm học 2024-2025 và các năm học tiếp theo	Không
Bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, bồi dưỡng sử dụng các phần mềm ứng dụng cơ bản cho giáo viên qua các hoạt động tập huấn chuyên môn, trao đổi về phương pháp và hình thức tổ chức nhóm lớp, dự giờ, sinh hoạt chuyên môn để nâng cao chất lượng đánh giá chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non.	Cán bộ quản lý, Giáo viên	Kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn	Trong năm học 2024-2025 và các năm học tiếp theo	Không

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3.

Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên

Mức 1:

- a) Có nhân viên hoặc giáo viên kiêm nhiệm để đảm nhiệm các nhiệm vụ do hiệu trưởng phân công;
- b) Được phân công công việc phù hợp, hợp lý theo năng lực;
- c) Hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

Mức 2:

- a) Số lượng và cơ cấu nhân viên đảm bảo theo quy định;
- b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

- a) Có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm;
- b) Hằng năm, được tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

Nhà trường có tổng số 06 nhân viên trong đó: 03 nhân viên biên chế gồm 01 nhân viên y tế, 02 nhân viên văn thư (1 nhân viên văn thư, 1 nhân viên văn thư kiêm thủ quỹ), 01 nhân viên bảo vệ hợp đồng theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP, 02 nhân viên nấu ăn hợp đồng ngắn hạn. [H1-1.6-01]; [H1-1.6-03];

06/06 nhân viên được Hiệu trưởng phân công công việc rõ ràng, phù hợp với khả năng, năng lực, trình độ chuyên môn và năng lực thực tế của từng đồng chí [H1-1.7-02];

100% nhân viên trong nhà trường thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ được giao, đúng nội quy, quy chế chuyên môn. Công tác tổ chức nấu ăn cho trẻ, công tác chăm sóc sức khỏe và bảo quản tốt cơ sở vật chất trong nhà trường, hằng năm đều được hiệu trưởng đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên [H2-2.3-01].

Mức 2

Nhà trường có 6 nhân viên kể cả biên chế, hợp đồng theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP và hợp đồng ngắn hạn theo quy định tại Thông tư số 19/2023/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn định mức biên chế sự nghiệp trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập, trong đó có 01 nhân viên bảo vệ, 01 nhân viên y tế học đường, 01 nhân viên văn thư kiêm thủ quỹ, 1 nhân viên văn thư, 02 nhân viên nấu ăn [H1-1.6-01]; [H1-1.7-02];

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, 100% nhân viên trong nhà trường thực hiện tốt nhiệm vụ được giao, không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên [H2-2.3-01]; [H1-1.2-07].

Mức 3

Nhà trường có đội ngũ nhân viên có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm: Nhân viên y tế có bằng trung cấp y sĩ đa khoa, 1 nhân viên văn thư có bằng đại học, 1 nhân viên thủ quỹ có bằng trung cấp chuyên nghiệp, nhân viên bảo vệ có chứng chỉ tập huấn nghiệp vụ bảo vệ cơ quan, nhân viên kế toán kiêm nhiệm [H2-2.3-02], nhân viên nấu ăn có chứng chỉ nghề nấu ăn [H2-2.3-03];

Hàng năm nhân viên y tế được bồi dưỡng về công tác y tế, nhân viên thủ quỹ, văn thư được bồi dưỡng nghiệp vụ thủ quỹ, văn thư [H2-2.1-04], nhân viên nấu ăn được bồi dưỡng công tác vệ sinh an toàn thực phẩm [H2-2.3-04], nhân viên bảo vệ được bồi dưỡng về nghiệp vụ phòng cháy chữa cháy, nghiệp vụ bảo vệ theo vị trí được phân công [H2-2.3-05].

2. Điểm mạnh

Trường có số lượng nhân viên đủ theo quy định, các nhân viên có trình độ đào tạo theo chuyên ngành đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ; được tham gia bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu của vị trí việc làm, được đánh giá hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao. Việc phân công nhiệm vụ cho nhân viên, người lao động hợp lý, thuận lợi cho việc triển khai thực hiện đảm bảo hiệu quả công việc. Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

1. Điểm yếu: Tính đến thời điểm đánh giá nhà trường đang thiếu 9 nhân viên nấu ăn.

Nhà trường chưa có biên chế nhân viên kế toán, kế toán kiêm nhiệm của trường khác.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Nhà trường tiếp tục duy trì số lượng nhân viên hiện có. Thực hiện phân công nhiệm vụ phù hợp với trình độ đào tạo và năng lực làm việc của mỗi nhân viên.	Nhân viên	Phân công nhiệm vụ	Trong năm học 2024-2025	Không
Nhà trường xây dựng kế hoạch tổ chức bồi dưỡng nhằm nâng cao chất lượng chuyên môn cho nhân viên y tế, nhân viên thủ quỹ, văn thư, nhân viên nấu ăn.	Cán bộ quản lý, Nhân viên y tế, nấu	Kế hoạch bồi dưỡng nghiệp vụ y tế, văn thư, thủ quỹ, nấu ăn, vệ sinh an toàn	Trong năm học 2024-2025	Không

	ăn	thực phẩm		
Tham mưu, lập tờ trình về PGD Nậm Pồ đề nghị xin nhân viên kế toán nhằm đảm bảo số lượng nhân viên theo quy định	Cán bộ quản lý	Trờ trình	Trong năm học 2025-2026	Không

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2.

Kết luận về tiêu chuẩn 2

Nhà trường có đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên đảm bảo đủ về số lượng, hợp lý về cơ cấu, đáp ứng được các yêu cầu thực hiện nhiệm vụ theo quy định. Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng trong nhà trường đảm bảo các yêu cầu theo quy định, có bằng đại học sư phạm, có thời gian công tác liên tục 15 năm trở lên. Tham gia đầy đủ các lớp bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ, quản lý giáo dục, lý luận chính trị, có đủ sức khỏe để đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ được giao, được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm. Trong 05 năm liên tục hiệu trưởng và phó hiệu trưởng được xếp loại chuẩn hiệu trưởng từ khá trở lên, tỷ lệ giáo viên đạt trình độ trên chuẩn đạt cao 87,5%. Hằng năm 100% giáo viên được đánh giá, xếp loại chuẩn nghề nghiệp giáo viên từ mức đạt trở lên.

Trường có số lượng nhân viên đủ theo quy định, các nhân viên có trình độ đào tạo theo chuyên ngành đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ được tham gia bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu của vị trí việc làm, được đánh giá hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao. Việc phân công nhiệm vụ cho nhân viên, người lao động hợp lý, thuận lợi cho việc triển khai thực hiện đảm bảo hiệu quả công việc. Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường không có giáo viên, nhân viên bị kỷ luật. Nhà trường chưa có nhân viên kế toán, nhân viên kế toán đang kiêm nhiệm.

*** Kết quả tự đánh giá**

- Số tiêu chí đạt yêu cầu mức 1: 3/3
- Số tiêu chí đạt yêu cầu mức 2: 3/3
- Số tiêu chí đạt yêu cầu mức 3: 1/3
- Số tiêu chí chưa đạt yêu cầu mức 3: 2

Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học

Mở đầu

Trường Mầm non Nà Búng có tổng diện tích đất sử dụng 7.797m², khuôn viên xanh sạch đẹp, hệ thống cây xanh tạo bóng mát thường xuyên được cắt tỉa đẹp. Nhà trường có cổng trường, biển tên trường, tường bao quanh ngăn cách với bên ngoài. Có nguồn nước sạch đủ cho các hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ của nhà trường, hệ thống cống rãnh hợp vệ sinh. Các khu trải nghiệm cho trẻ. Có đủ

các khối phòng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ, phòng sinh hoạt chung, sân chơi đảm bảo về diện tích và các thiết bị phục vụ cho công tác chăm sóc, giáo dục trẻ, các khối phòng giáo dục nghệ thuật, phòng giáo dục thể chất, văn phòng trường, phòng hành chính - quản trị, phòng họp của giáo viên. Nhà vệ sinh của giáo viên và học sinh đảm bảo theo thông tư số 13/2020/TT- BGD-ĐT ngày 26 tháng 5 năm 2020 ban hành quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non và Thông tư 23/2024/TT- BGD-ĐT ngày 16 tháng 12 năm 2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở và trường trung học phổ thông có nhiều cấp học ban hành kèm theo Thông tư số 13/2020/TTBGDDT ngày 26 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Nhà trường có bếp ăn gồm: Khu sơ chế, khu chế biến, khu nấu ăn, khu chia thức ăn được thiết kế và tổ chức theo dây chuyền hoạt động một chiều, kho bếp được phân chia kho lương thực và kho thực phẩm, thiết bị bảo quản thực phẩm, đủ các thiết bị đồ dùng đảm bảo theo quy định, hằng năm được kiểm kê, sửa chữa, bổ sung nâng cấp đáp ứng nhu cầu tổ chức nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ.

Tiêu chí 3.1: Địa điểm, quy mô, diện tích đảm bảo theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, bao gồm:

Mức 1:

- a) *Vị trí đặt trường, điểm trường;*
- b) *Quy mô;*
- c) *Diện tích khu đất xây dựng trường, điểm trường, diện tích sàn xây dựng các hạng mục công trình.*

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

Trường mầm non Nà Bùng đặt tại bản Nà Bùng 3, xã Nà Bùng, huyện Nậm Pồ, tỉnh Điện Biên, đảm bảo theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Thông tư 13/2020/TT-BGDĐT Quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học do Bộ Giáo dục và Đào tạo: Phù hợp với quy hoạch phát triển giáo dục của địa phương; môi trường xung quanh bảo đảm an toàn đối với trẻ em, cán bộ, giáo viên và nhân viên; Có kết nối giao thông thuận lợi cho việc đưa đón trẻ em; đáp ứng yêu cầu phòng, chống cháy, nổ [H3-3.1-01];

Quy mô của trường mầm non Nà Bùng đảm bảo theo quy định tại khoản 4 Điều 1 Thông tư 23/2024/TT- BGD-ĐT ngày 16 tháng 12 năm 2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở và trường trung học phổ thông có nhiều cấp học ban hành kèm theo Thông tư số 13/2020/TTBGDDT ngày 26 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo: Trường có 27 nhóm, lớp (Trong đó: 10 nhóm trẻ và 17 lớp mẫu giáo) được bố trí, sắp xếp tại trung tâm và 8 điểm trường [H1-1.5-03];

Diện tích khu đất xây dựng trường, điểm trường, diện tích sàn xây dựng các hạng mục công trình của nhà trường đảm bảo theo quy định tại khoản 5 Điều 1 Thông tư 23/2024/TT- BGD-ĐT ngày 16 tháng 12 năm 2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở và trường trung học phổ thông có nhiều cấp học ban hành kèm theo Thông tư số 13/2020/TTBGDDT ngày 26 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo: Trường có tổng diện tích **7.797m²**, bình quân tối thiểu cho một trẻ 9,6m²/trẻ. Trong đó: Trung tâm 2.627m²; điểm Nà Bùng 1: 875m², điểm trường Nà Bùng 2 :652m²; điểm trường Nậm Tắt 1: 540m²; điểm trường Nậm Tắt 2: 1.025m²; điểm trường Púng Pá Kha: 765m², điểm trường Trên Nương: 315m²; điểm trường Ngải Thầu 1: 640m², điểm trường Ngải Thầu 2: 100m². Diện tích sàn xây dựng là $6.434/7.797 \text{ m}^2 = 82,5\%$ diện tích sân vườn có $1.363/7.797 \text{ m}^2 = 17,5\%$ (bao gồm sân chơi, bồn hoa, vườn rau, khu vui chơi trải nghiệm), đường nội bộ là $1.053/7.797 \text{ m}^2 = 13,5\%$ đảm bảo theo quy định. Có bản đồ trích lục địa chính; hồ sơ thiết kế kỹ thuật. **Điểm trường 9/9 chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất [3.1-02].**

2. Điểm mạnh:

Địa điểm, quy mô, diện tích của nhà trường đảm bảo theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Nhà trường có đủ diện tích đất sử dụng, diện tích sàn xây dựng bình quân tối thiểu đảm bảo cho trẻ đảm bảo theo quy định. Môi trường xung quanh bảo đảm an toàn đối với trẻ em, cán bộ, giáo viên và nhân viên; Có kết nối giao thông thuận lợi cho việc đưa đón trẻ em; đáp ứng yêu cầu phòng, chống cháy, nổ. Trường có bồn hoa, cây cảnh, cây xanh tạo bóng mát, có vườn cây dành riêng cho trẻ chăm sóc, khám phá, học tập, có khu vui chơi với các thiết bị và đồ chơi ngoài trời đảm bảo theo quy định. Có khu vực riêng để thực hiện các hoạt động giáo dục phát triển vận động, có đủ các loại thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo danh mục thiết bị và đồ chơi ngoài trời ngoài danh mục đảm bảo phù hợp với thực tế của nhà trường, đảm bảo an toàn cho trẻ.

3. Điểm yếu:

Tính đến thời điểm đánh giá các điểm trường: chưa có giấy xác nhận sử dụng đất. Còn 06/09 điểm trường hàng rào chưa được xây dựng kiên cố (là hàng rào thép B40).

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/ Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Tham mưu với các cấp lãnh đạo cấp kinh phí để xây dựng hàng rào kiên cố tại các điểm trường nà Bùng 1, Nà Bùng 2, nà	Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên.	Phối hợp chính quyền địa phương; cha mẹ trẻ; Tham mưu	Năm học 2024-2025 và các năm học tiếp	800.000 triệu đồng

Bung 3, Nậm Tắt 1, Ngải Thầu 1, Ngải Thầu 2.		Phòng GD&ĐT	theo	
Tiếp tục tham mưu với các cấp có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho điểm trung tâm và 08 điểm trường	Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên	Tờ trình	Năm học 2025-2026	Không

5. Tự đánh giá: Đạt mức 1.

Tiêu chí 3.2: Các hạng mục công trình đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở vật chất tối thiểu đối với trường mầm non theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, bao gồm:

Mức 1:

- a) Khối phòng hành chính quản trị;
- b) Khối phòng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em;
- c) Khối phòng tổ chức ăn (áp dụng cho các trường có tổ chức nấu ăn), khối phụ trợ.

Mức 2:

- a) Khối phòng hành chính quản trị;
- b) Khối phòng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em;
- c) Khối phụ trợ.

Mức 3:

Khối phòng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ đảm bảo quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2 đối với trường mầm non theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

Nhà trường có đủ khối phòng hành chính - quản trị theo quy định tại Thông tư số 13/2020/TT- BGDDĐT ngày 26 tháng 5 năm 2020 ban hành Quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học, gồm có: Văn phòng trường; phòng Hiệu trưởng; phòng phó Hiệu trưởng; phòng dành cho nhân viên; phòng bảo vệ, phòng hành chính quản trị; phòng vệ sinh cho cán bộ giáo viên, nhân viên; khu để xe cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên. Văn phòng trường có đầy đủ bàn ghế họp, ti vi, các bảng biểu, trang thiết bị cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên họp và tổ chức các hoạt động khác; phòng Hiệu trưởng, các phó Hiệu trưởng có tủ, bàn làm việc, máy tính, bàn ghế tiếp khách và các phương tiện làm việc khác; phòng dành cho nhân viên có tủ, đồ dùng, thiết bị đảm bảo

yêu cầu; 01 phòng y tế có giường bệnh, tủ thuốc, có các trang thiết bị y tế và đồ dùng theo dõi sức khỏe cho trẻ, có biểu bảng thông báo các biện pháp tích cực can thiệp chữa bệnh và chăm sóc trẻ suy dinh dưỡng, trẻ béo phì, có bảng kế hoạch theo dõi tiêm phòng và khám sức khỏe định kỳ cho trẻ, có tranh ảnh tuyên truyền chăm sóc sức khỏe, phòng bệnh cho trẻ; nhà kho để dụng cụ chung và học phẩm của trường; phòng hành chính quản trị; phòng họp; phòng bảo vệ có đồ dùng, thiết bị đảm bảo yêu cầu; khu để xe dành cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, có mái che được bố trí, sắp xếp hợp lý, đảm bảo an toàn, trật tự Các khối phòng hành chính - quản trị đảm bảo diện tích theo quy định [3.1-03];

Nhà trường có 27 phòng sinh hoạt chung với diện 1,042m², diện tích trung bình 1,3m²/trẻ, có hệ thống bóng điện đủ ánh sáng, có quạt điện đảm bảo cho hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ, hệ thống tủ, kệ, giá đựng đồ chơi, đồ dùng, tài liệu đảm bảo đủ theo quy định, được sắp xếp hợp lý, an toàn, thuận tiện khi sử dụng, thoáng mát về mùa hè, ấm áp về mùa đông, có 23/27 nhóm, lớp mẫu giáo sử dụng phòng sinh hoạt chung làm phòng ngủ cho trẻ, có 4 nhóm, lớp tại điểm trường Trung Tâm, Nậm Tắt 2, Pá Kha, Trên Nương có phòng ngủ riêng cho trẻ nhà trẻ, và mẫu giáo, phòng ngủ riêng có đủ chăn, chiếu, gối, quạt, hệ thống tủ đựng các đồ dùng phục vụ cho trẻ ngủ, thuận tiện khi sử dụng đảm bảo diện tích theo quy định; phòng giáo dục thể chất 35m² với đầy đủ đồ dùng đảm bảo đáp ứng được các hoạt động phát triển giáo dục thể chất cho trẻ, có 04 phòng giáo dục nghệ thuật mỗi phòng có diện tích 35m² (01 phòng tại trung tâm trang bị đầy đủ đồ dùng (gương, gióng múa, đàn, dụng cụ âm nhạc...), 01 phòng đặt tại điểm trường Nậm Tắt 2, 1 phòng ở Điểm trên Nương, 1 phòng điểm Ngải Thầu 2) phục vụ cho việc giáo dục nghệ thuật thẩm mỹ cho trẻ đảm bảo đáp ứng được các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ. Có 01 phòng thư viện xanh ngoài trời [3.1-03];

Bếp ăn của nhà trường được xây dựng bán kiên cố, độc lập với các khối phòng chức năng khác; gồm có khu sơ chế, khu chế biến, khu nấu ăn, khu chia thức ăn; được thiết kế và tổ chức theo dây chuyền hoạt động một chiều; kho bếp của nhà trường được phân chia riêng biệt kho lương thực và kho thực phẩm; có lối nhập, xuất hàng thuận tiện, độc lập và phân chia khu vực cho từng loại thực phẩm; có thiết bị bảo quản thực phẩm đảm bảo các quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm. Phòng họp 60m², phòng y tế 25m², nhà kho 25m²; diện tích sân vườn đảm bảo theo quy định về yêu cầu thiết kế trường mầm non 1.363/7.797 m²=17,5% .Có cổng trường, biển tên trường theo quy định tại Điều 5 Thông tư số 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 Ban hành Điều lệ trường mầm non, có hàng rào khuôn viên của trường, điểm trường được ngăn cách với bên ngoài bằng tường xây và B40 bảo đảm vững chắc, an toàn, khuôn viên đảm bảo vệ sinh, phù hợp cảnh quan, môi trường thân thiện, an toàn cho trẻ vui chơi và học tập [H1 - 1.6-04]; [3.1-03].

Mức 2

Nhà trường có đủ khối phòng hành chính - quản trị theo quy định tại Thông tư số 13/2020/TT- BGDDĐT ngày 26 tháng 5 năm 2020 ban hành Quy định

tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học, gồm có: Văn phòng trường; phòng Hiệu trưởng; phòng phó Hiệu trưởng; phòng dành cho nhân viên; phòng bảo vệ, phòng hành chính quản trị; phòng vệ sinh cho cán bộ giáo viên, nhân viên; khu để xe cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên. Văn phòng trường có đầy đủ bàn ghế họp, ti vi, các bảng biểu, trang thiết bị cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên họp và tổ chức các hoạt động khác; phòng Hiệu trưởng, các phó Hiệu trưởng có tủ, bàn làm việc, máy tính, bàn ghế tiếp khách và các phương tiện làm việc khác; phòng dành cho nhân viên có tủ, đồ dùng, thiết bị đảm bảo yêu cầu; 01 phòng y tế có giường bệnh, tủ thuốc, có các trang thiết bị y tế và đồ dùng theo dõi sức khỏe cho trẻ, có biểu bảng thông báo các biện pháp tích cực can thiệp chữa bệnh và chăm sóc trẻ suy dinh dưỡng, trẻ béo phì, có bảng kế hoạch theo dõi tiêm phòng và khám sức khỏe định kỳ cho trẻ, có tranh ảnh tuyên truyền chăm sóc sức khỏe, phòng bệnh cho trẻ; nhà kho để dụng cụ chung và học phẩm của trường; phòng hành chính quản trị; phòng họp; phòng bảo vệ có đồ dùng, thiết bị đảm bảo yêu cầu; khu để xe dành cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, có mái che được bố trí, sắp xếp hợp lý, đảm bảo an toàn, trật tự. Các khối phòng hành chính - quản trị đảm bảo diện tích theo quy định [3.1-03];

Nhà trường có 27 phòng sinh hoạt chung với diện 1,042m², diện tích trung bình 1,3m²/trẻ, có hệ thống bóng điện đủ ánh sáng, có quạt điện đảm bảo cho hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ, hệ thống tủ, kệ, giá đựng đồ chơi, đồ dùng, tài liệu đảm bảo đủ theo quy định, được sắp xếp hợp lý, an toàn, thuận tiện khi sử dụng, thoáng mát về mùa hè, ấm áp về mùa đông, có 23/27 nhóm, lớp mẫu giáo sử dụng phòng sinh hoạt chung làm phòng ngủ cho trẻ, có 4 nhóm, lớp tại điểm trường Trung Tâm, Nậm Tắt 2, Pá Kha, Trên Nương có phòng ngủ riêng cho trẻ nhà trẻ, và mẫu giáo, phòng ngủ riêng có đủ chăn, chiếu, gối, quạt, hệ thống tủ đựng các đồ dùng phục vụ cho trẻ ngủ, thuận tiện khi sử dụng đảm bảo diện tích theo quy định; phòng giáo dục thể chất 35m² với đầy đủ đồ dùng đảm bảo đáp ứng được các hoạt động phát triển giáo dục thể chất cho trẻ, có 04 phòng giáo dục nghệ thuật mỗi phòng có diện tích 35m² (01 phòng tại trung tâm trang bị đầy đủ đồ dùng (gương, gióng múa, đàn, dụng cụ âm nhạc...), 01 phòng đặt tại điểm trường Nậm Tắt 2, 1 phòng ở Điểm trên Nương, 1 phòng điểm Ngải Thầu 2) phục vụ cho việc giáo dục nghệ thuật thẩm mỹ cho trẻ đảm bảo đáp ứng được các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ. Có 01 phòng thư viện xanh ngoài trời [3.1-03];

Nhà trường có 01 bếp ăn được xây dựng kiên cố độc lập với các khối phòng chức năng khác: Gồm có khu sơ chế, khu chế biến, khu nấu ăn, khu chia thức ăn; được thiết kế và tổ chức theo dây chuyền hoạt động một chiều. Nhà trường có kho chứa thực phẩm được phân chia thành khu vực để các loại thực phẩm riêng biệt, có tủ lạnh lưu mẫu thức ăn đảm bảo theo quy định an toàn vệ sinh thực phẩm [3.1-03];

Phòng họp 60m², phòng y tế 25m², nhà kho 25m²; diện tích sân vườn đảm bảo theo quy định về yêu cầu thiết kế trường mầm non $1.363/7.797 \text{ m}^2 = 17,5\%$. Có

cổng trường, biển tên trường theo quy định tại Điều 5 Thông tư số 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 Ban hành Điều lệ trường mầm non, có hàng rào khuôn viên của trường, điểm trường được ngăn cách với bên ngoài bằng tường xây và B40 bảo đảm vững chắc, an toàn, khuôn viên đảm bảo vệ sinh, phù hợp cảnh quan, môi trường thân thiện, an toàn cho trẻ vui chơi và học tập [H1 - 1.6-04]; [3.1-03].

Mức 3

Khối phòng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ của nhà trường đảm bảo quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 đối với trường mầm non theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Tuy nhiên, nhà trường chưa có phòng riêng cho trẻ làm quen với ngoại ngữ, tin học [3.1-03].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đủ các khối phòng hành chính - quản trị theo quy định: Văn phòng trường, phòng Hiệu trưởng, phòng phó Hiệu trưởng, phòng hành chính - quản trị, phòng họp, phòng y tế, phòng bảo vệ, phòng dành cho nhân viên, nhà kho, phòng vệ sinh của cán bộ, giáo viên, nhân viên, khu để xe cho cán bộ, giáo viên nhân viên. Có đủ phòng sinh hoạt chung đảm bảo diện tích bình quân/trẻ, có 4 phòng ngủ riêng cho trẻ nhà trẻ, có đủ phản, chiếu, chăn, gối, thoáng mát về mùa hè, ấm áp về mùa đông. Các nhóm, lớp đều được xây dựng khép kín đảm bảo diện tích theo quy định, có hệ thống bóng điện, quạt điện đảm bảo cho hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ. Các phòng học đều có hệ thống tủ, kệ, giá để đồ dùng đồ chơi đảm bảo và được sắp xếp hợp lý, thuận tiện, an toàn khi sử dụng. Nhà trường có 04 phòng giáo dục thể chất, 04 phòng giáo dục nghệ thuật đảm bảo về diện tích và đầy đủ các thiết bị, đồ dùng theo quy định. Có đầy đủ các khối phụ trợ. Các khối phòng, khối phụ trợ được xây dựng kiên cố, bán kiên cố đảm bảo diện tích, quy định theo Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 5 năm 2020 và đảm bảo theo Tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế trường mầm non. Có đủ đồ dùng, trang thiết bị tối thiểu và được thiết kế phù hợp, thuận tiện cho các hoạt động của nhà trường.

3. Điểm yếu:

Bếp ăn tại trung tâm trường được xây dựng là bếp ăn bán kiên cố. Nhà trường chưa có phòng riêng cho trẻ làm quen với ngoại ngữ, tin học theo quy định. 08 điểm bản chưa có nhà vệ sinh dành riêng cho giáo viên; còn 1 công trình vệ sinh cho trẻ được xây dựng bán kiên cố tại điểm trường Ngải Thầu 2.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí

Tiếp tục tham mưu với Phòng Giáo dục và Đào tạo bổ sung trang thiết bị cần thiết cho các khối phòng phục vụ học tập của nhà trường. Xây dựng kế hoạch lộ trình làm tốt công tác xã hội hóa giáo dục, tích cực tranh thủ các nguồn tài trợ để xây dựng bổ sung tài nguyên khai thác và sử dụng hiệu quả Tham mưu với lãnh đạo Phòng Giáo dục và Đào tạo bổ sung kinh phí, xây dựng thêm phòng cho trẻ làm quen với tin học, ngoại ngữ; nâng cấp bếp ăn tại trung tâm; xây dựng nhà vệ sinh kiên cố cho học sinh tại điểm trường điểm trường Ngải Thầu 2 và nhà vệ sinh cho giáo viên tại các điểm trường.	Cán bộ quản lý	Kế hoạch mua sắm bổ sung hằng năm. Kế hoạch vận động tài trợ; Tờ trình.	Năm học 2025-2026 và những năm tiếp theo	900 triệu đồng
Hằng năm có kế hoạch tu sửa, thay thế và bổ sung thêm đồ dùng dụng cụ nhà bếp đảm bảo mục đích sử dụng trong công tác cho trẻ ăn bán trú tại trường đạt hiệu quả cao.	Cán bộ quản lý	Kế hoạch phát triển nhà trường, tờ trình.	Năm học 2025-2026 và các năm học tiếp theo	10 triệu đồng.
Xây dựng kế hoạch lộ trình làm tốt công tác xã hội hóa giáo dục, tích cực tranh thủ các nguồn tài trợ để xây dựng bổ sung tài nguyên khai thác và sử dụng hiệu quả	Cán bộ quản lý	Kế hoạch vận động tài trợ	Năm học 2025-2026 và các năm học tiếp theo	800 triệu đồng

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2.

Tiêu chí 3.3: Hạ tầng kỹ thuật, các hạng mục công trình kiên cố và thiết bị dạy học đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở vật chất tối thiểu đối với trường mầm non theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, bao gồm:

Mức 1:

a) Hệ thống cấp nước sạch; hệ thống cấp điện; hệ thống phòng cháy, chữa cháy; hạ tầng công nghệ thông tin, liên lạc và khu thu gom rác thải;

b) *Tỷ lệ các hạng mục công trình kiên cố;*

c) *Thiết bị dạy học, đồ dùng, đồ chơi.*

Mức 2:

Tỷ lệ các hạng mục công trình kiên cố, mật độ sử dụng đất đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 đối với trường mầm non theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Mức 3:

Tỷ lệ các hạng mục công trình kiên cố đảm bảo quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2 đối với trường mầm non theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

Trung tâm và các điểm trường sử dụng nguồn nước tự nhiên, có bình lọc nước đảm bảo vệ sinh, đáp ứng nhu cầu sử dụng, bảo đảm các quy định và tiêu chuẩn chất lượng nước theo quy định hiện hành; hệ thống thoát nước, cống thu gom kết hợp rãnh có nắp đậy và hệ thống xử lý nước thải bảo đảm chất lượng nước thải theo quy định trước khi thải ra môi trường; khu thu gom rác thải đảm bảo theo quy định khoản 03, Điều 05 Thông tư liên tịch số 13/2016/TTNT-BYT ngày 15/5/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ y tế như có hệ thống cống rãnh thoát nước mưa, nước thải sinh hoạt, không để nước ứ đọng xung quanh trường, lớp, được bố trí độc lập, cách xa các khối phòng chức năng, ở cuối hướng gió; có lối ra vào riêng, thuận lợi cho việc thu gom, vận chuyển rác; có hệ thống thoát nước riêng, không ảnh hưởng đến môi trường, có thùng đựng và phân loại rác, tự thu gom rác thải vận chuyển đến nơi tập chung; hệ thống cấp điện tại trung tâm và các điểm trường sử dụng điện lưới quốc gia bảo đảm đủ công suất và an toàn phục vụ hoạt động của trường, điểm trường. Trung tâm các điểm trường có sóng điện thoại và sử dụng mạng internet tốc độ cao và 4G. Hệ thống phòng cháy, chữa cháy bảo đảm theo các quy định hiện hành [H3-3.3-01]; [3.3-02];

Các hạng mục công trình của nhà trường được xây dựng kiên cố đảm bảo theo Quy định tại Thông tư số 13/2020/TT- BGD-ĐT ngày 26 tháng 5 năm 2020 và Thông tư số 23/2024/TT-BGDĐT ngày 16/12/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo [3.1-02];

Nhà trường có đủ các thiết bị dạy học, đồ dùng, đồ chơi đáp ứng yêu cầu tối thiểu phục vụ công tác chăm sóc, giáo dục trẻ em theo quy định tại văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT ngày 23/03/2015 về ban hành danh mục đồ dùng, đồ chơi, thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho giáo dục mầm non [H1-1.6-03].

Mức 2

Các hạng mục công trình kiên cố và mật độ sử dụng đất đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 đối với trường mầm non theo quy định của

Thông tư số 13/2020/TT- BGD-ĐT ngày 26 tháng 5 năm 2020 và Thông tư 23/2024/TT- BGD-ĐT ngày 16 tháng 12 năm 2024. Trường có tổng diện tích **7.797m²**, bình quân tối thiểu cho một trẻ 9,6m²/trẻ. Trong đó: Trung tâm 2.627m²; điểm Nà Bùng 1: 875m², điểm trường Nà Bùng 2 :652m²; điểm trường Nậm Tắt 1: 540m²; điểm trường Nậm Tắt 2: 1.025m²; điểm trường Púng Pá Kha: 765m², điểm trường Trên Nường: 315m²; điểm trường Ngải Thầu 1: 640m², điểm trường Ngải Thầu 2: 100m². Diện tích sàn xây dựng là $6.434/7.797 \text{ m}^2 = 82,5\%$ diện tích sân vườn có $1.363/7.797 \text{ m}^2 = 17,5\%$ (bao gồm sân chơi, bồn hoa, vườn rau, khu vui chơi trải nghiệm), đường nội bộ là $1.053/7.797 \text{ m}^2 = 13,5\%$ đảm bảo theo quy định. [H3-3.1-01].

Mức 3

Tỷ lệ các hạng mục công trình kiên cố của nhà trường chưa đảm bảo quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2 đối với trường mầm non theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo [H3-3.1-01].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đủ các khối phòng hành chính - quản trị theo quy định: Văn phòng trường, phòng Hiệu trưởng, phòng phó Hiệu trưởng, phòng hành chính - quản trị, phòng họp, phòng y tế, phòng bảo vệ, phòng dành cho nhân viên, nhà kho, phòng vệ sinh của cán bộ, giáo viên, nhân viên, khu để xe cho cán bộ, giáo viên nhân viên. Các khối phòng được xây dựng kiên cố, đảm bảo diện tích, quy định theo Thông tư số 13/2020/TT- BGD-ĐT ngày 26 tháng 5 năm 2020, Thông tư 23/2024/TT- BGD-ĐT ngày 16 tháng 12 năm 2024 và đảm bảo theo Tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế trường mầm non. Có đủ đồ dùng, trang thiết bị tối thiểu và được thiết kế phù hợp, thuận tiện cho các hoạt động của nhà trường.

2. Điểm yếu:

Tỷ lệ các hạng mục công trình kiên cố của nhà trường đạt 71,4%, còn 28,6 các hạng mục công trình được xây dựng bán kiên cố.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Nhà trường tiếp tục sử dụng công năng hệ thống CSVC và sử dụng có hiệu quả trang thiết bị của các khối phòng nhằm nâng cao chất lượng giáo dục phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường. Đồng thời có kế hoạch kiểm	Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên	Kế hoạch tài chính ngắn hạn, trung hạn; tờ trình tu sửa, nâng cấp các phòng	Trong năm học 2025-2026 và các năm học tiếp theo.	50 triệu đồng

tra thực trạng và đề ra những giải pháp cụ thể để nâng cấp tu sửa các hạng mục công trình.				
Tham mưu với các cấp chính quyền; vận động các nguồn tài trợ từ các tổ chức đầu tư cơ sở vật chất xây dựng các công trình, khối phòng kiên cố đảm bảo theo quy định về CSVC.	Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên	Kế hoạch tài chính ngắn hạn, trung hạn; tờ trình xây dựng	Trong năm học 2025-2026 và các năm học tiếp theo.	5.300.000.000 đồng

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2.

Kết luận về tiêu chuẩn 3

Nhà trường được xây dựng kiên cố diện tích khuôn viên và các công trình đảm bảo theo quy định. Diện tích bình quân tối thiểu trên trẻ, diện tích sân vườn, diện tích sân chơi đảm bảo, được quy hoạch, thiết kế phù hợp giúp trẻ khám phá, học tập. Các nhóm lớp học và các khối phòng hành chính quản trị bảo đảm đủ diện tích và được bố trí sắp xếp phù hợp, có đầy đủ đồ dùng đồ chơi, thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho từng khối lớp và thiết bị đồ dùng đồ chơi tự làm đảm bảo bền đẹp. Bếp ăn được xây dựng theo quy trình một chiều với đầy đủ các đồ dùng nhà bếp, có kho lưu trữ thực phẩm, có tủ lạnh lưu mẫu thức ăn hàng ngày và đã được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm. Khu vệ sinh cho giáo viên, trẻ được xây dựng đảm bảo diện tích, đủ các thiết bị, phương tiện vệ sinh, thuận tiện cho việc sử dụng. Có nguồn nước sạch đảm bảo vệ sinh, có hệ thống thu gom, xử lý rác thải đảm bảo vệ sinh môi trường, vệ sinh phòng bệnh. Hằng năm nhà trường có kiểm kê, bảo quản và sử dụng có hiệu quả các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi hiện có. Có kế hoạch tu sửa và bổ sung các trang thiết bị, đồ dùng, đồ chơi kịp thời đảm bảo hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ của nhà trường.

Nhà trường chưa có phòng riêng cho trẻ làm quen với ngoại ngữ, tin học theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Tỷ lệ các hạng mục công trình kiên cố của nhà trường chưa đảm bảo quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2 đối với trường mầm non theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Tổng số tiêu chí được đánh giá: 03 tiêu chí

+ Số tiêu chí đạt yêu cầu ở mức 1: 3

+ Số tiêu chí đạt yêu cầu ở mức 2: 2

+ Số tiêu chí đạt yêu cầu ở mức 3: 0/2

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 2

Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội

Mở đầu

Thực hiện chủ trương: “Sự nghiệp giáo dục là trách nhiệm của toàn xã hội”, nhà trường đã xây dựng được mối quan hệ chặt chẽ giữa Nhà trường - Gia đình - Xã hội, từng bước tranh thủ được sự quan tâm chăm lo cho sự nghiệp giáo dục của cộng đồng và toàn xã hội.

Nhà trường có Ban đại diện cha mẹ học sinh của trường, các lớp có Ban đại diện cha mẹ học sinh của lớp được hoạt động theo đúng quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh. Nhà trường có nhiều biện pháp và hình thức phong phú để tuyên truyền, hướng dẫn cha mẹ trẻ chăm sóc, giáo dục trẻ khi ở nhà; chỉ đạo giáo viên thường xuyên trao đổi với phụ huynh học sinh về tình hình ăn, ngủ, vui chơi, học tập cũng như các hoạt động khác của trẻ ở lớp.

Nhà trường chủ động trong công tác tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương, phối hợp với các tổ chức đoàn thể, cá nhân ở địa phương nhằm huy động các nguồn lực về tinh thần, vật chất để xây dựng cơ sở vật chất, cảnh quan trường lớp xanh - sạch - đẹp và xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh, an toàn tuyệt đối cho trẻ góp phần nâng cao chất lượng toàn diện của nhà trường.

Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ trẻ

Mức 1:

- a) Được thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh;*
- b) Có kế hoạch hoạt động theo năm học;*
- c) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đúng tiến độ.*

Mức 2:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; Hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ trẻ.

Mức 3:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

Hàng năm nhà trường có Ban đại diện cha mẹ học sinh của trường, các nhóm lớp có ban đại diện cha mẹ học sinh của từng nhóm lớp, được thành lập và hoạt động theo quy định tại Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22/11/2011 ban hành Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh. Cụ thể Ban đại diện cha mẹ học sinh của trường năm học 2024-2025 có 3 thành viên, gồm có 1 trưởng ban, 1 phó ban và 1 uỷ viên; Ban đại diện cha mẹ học sinh được thành lập theo năm học và hoạt động theo kế hoạch hoạt động năm học. Ban đại diện

cha mẹ học sinh tổ chức họp toàn trường là 3 lần/năm để thực hiện kế hoạch của năm, đảm bảo tiến độ [H1-4.1-01]; [H4-4.1-02];

Ban đại diện cha mẹ trẻ của trường có kế hoạch hoạt động theo năm học, kế hoạch đưa ra thể hiện rõ vai trò, trách nhiệm trong công tác phối hợp giữa phụ huynh và nhà trường tổ chức các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và tổ chức các hoạt động cho trẻ trải nghiệm (Nặn bánh, Cùng phụ huynh và trẻ gói bánh chưng ngày tết, [H4-4.1-03];

Hàng năm, Ban đại diện cha mẹ trẻ em triển khai, tổ chức thực hiện các nội dung hoạt động theo kế hoạch, các nội dung đã được thảo luận, thống nhất trong các cuộc họp của Ban đại diện cha mẹ trẻ em của trường, lớp có hiệu quả cao: tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ học sinh nhằm nâng cao trách nhiệm chăm sóc, bảo vệ, giáo dục học sinh, phối hợp tổ chức các hoạt động trải nghiệm giáo dục, tổ chức lễ hội và các hoạt động phối hợp khác quy định trong điều lệ trường mầm non [H4-4.1-03]; [H1-1.2-08].

Mức 2

Ban đại diện cha mẹ học sinh của nhà trường và của các nhóm/lớp phối hợp tích cực, có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục học sinh như: Tham gia cùng cô và trẻ trong các hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ; hoạt động tham quan; trải nghiệm; tổ chức các ngày lễ trong năm như: tổ chức tết trung thu; giao lưu "Bé yêu tiếng việt" cấp trường, cấp cụm, cấp huyện; xây dựng môi trường giáo dục lấy trẻ làm trung tâm... Phối hợp với nhà trường hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục tới các bậc phụ huynh như: Chế độ hỗ trợ ăn trưa, hỗ trợ chi phí học tập, cấp bù miễn giảm học phí, chính sách trẻ hộ nghèo. Tuy nhiên, công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương, chính sách về giáo dục đối với một số cha mẹ trẻ hiệu quả chưa cao. Do trình độ dân trí của một số phụ huynh còn hạn chế [H1-1.2-08]; [3.1-02]; [H4-4.1-03]; [H4-4.1-04].

Mức 3

Ban đại diện cha mẹ học sinh đã phối hợp có hiệu quả với nhà trường thực hiện có biện pháp phối hợp giúp đỡ học sinh có hoàn cảnh khó khăn, vận động trẻ đi học chuyên cần, phối hợp giải quyết kiến nghị của cha mẹ học sinh;

Phối hợp với nhà trường huy động các nguồn lực hợp pháp và huy động ngày công lao động để tu sửa cơ sở vật chất tôn tạo cảnh quan môi trường tại trung tâm và 7 điểm trường góp phần nâng cao chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ [H1-1.2-08]; [H4-4.1-03].

Điểm mạnh

Nhà trường có Ban đại diện cha mẹ học sinh của trường, nhóm/lớp. Ban đại diện cha mẹ học sinh được thành lập và hoạt động theo đúng chức năng nhiệm vụ, quyền hạn quy định, có kế hoạch hoạt động cụ thể theo năm học và

tổ chức thực hiện theo đúng kế hoạch đề ra. Ban đại diện cha mẹ học sinh phối kết hợp chặt chẽ với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ và hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ; tuyên truyền, hướng dẫn, chủ trương chính sách về giáo dục tới các bậc phụ huynh. Tích cực hỗ trợ nhà trường tôn tạo, tu sửa cảnh quan môi trường có hiệu quả góp phần nâng cao chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ.

3. Điểm yếu: Công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương, chính sách về giáo dục đối với một số cha mẹ trẻ hiệu quả chưa cao.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Tổ chức họp phụ huynh học sinh của các lớp/trường để kiện toàn Ban đại diện cha mẹ học sinh	Cán bộ quản lý, giáo viên, Cha mẹ trẻ các lớp	Quy chế hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh	Năm học 2024-2025	Không
Thảo luận và xây dựng quy chế, kế hoạch hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh	Ban đại diện cha mẹ học sinh	Kế hoạch hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh	Năm học 2024-2025	Không
Tăng cường công tác tuyên truyền tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương, chính sách về giáo dục để nâng cao nhận thức đối với cha mẹ trẻ bằng nhiều hình thức khác nhau. Tiếp tục tuyên truyền, hướng dẫn cha mẹ trẻ trong chăm sóc, giáo dục trẻ ở nhà.	Ban đại diện cha mẹ học sinh	Kế hoạch hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh	Năm học 2024-2025	Không
Tiếp tục duy trì các mối quan hệ giữa nhà trường với Ban đại diện cha mẹ học sinh	Cán bộ quản lý giáo viên	Kế hoạch phối hợp giữa Ban đại diện cha mẹ học sinh và nhà	Năm học 2024-2025	Không

để nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ.		trường.		
--	--	---------	--	--

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3.

Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường

Mức 1:

a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền địa phương để thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường;

b) Tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành giáo dục, về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường;

c) Huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định.

Mức 2:

a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền để tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển;

b) Phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để tổ chức các hoạt động lễ hội, sự kiện theo kế hoạch, phù hợp với truyền thống của địa phương.

Mức 3:

Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

Nhà trường chủ động, làm tốt công tác tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương xây dựng kế hoạch giáo dục, giải pháp cụ thể trong kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học để phát triển nhà trường như: xây dựng mạng lưới quy mô trường, lớp, cơ sở vật chất, huy động trẻ trong độ tuổi đến trường, công tác phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi, duy trì phổ cập giáo dục xóa mù chữ, các khoản thu chi năm học, "xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm" [H1-1.2-08];

Hàng năm, nhà trường tích cực tuyên truyền để nâng cao nhận thức và trách nhiệm của phụ huynh về các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, của ngành, về các mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường trong năm học dưới nhiều hình thức như: Qua các buổi họp phụ huynh, qua

bảng tin nhà trường, tuyên truyền qua loa phóng thanh của Bản, trao đổi với phụ huynh thông qua giờ đón, trả trẻ hàng ngày [H1-1.2-08];

Năm học 2023 - 2024 nhà trường được ủy ban nhân dân xã ủng hộ ngày công lao động, trị giá 22.000.000 đồng, xã hội hoá 9 bộ đồ chơi tự tạo ngoài trời, trị giá 50.000.000 đồng, Chi Bình Hà Nội tặng 100 cái chăn, 130 đôi dép, 6 thùng đựng nước, 130 cái bát in nóc, 130 nải thìa in nóc, 130 bộ áo quần áo cho trẻ, 30 cái chiếu (cho học sinh bản Nà Bùng 2 và bản Nà Bùng 1) Đoàn Thiện Nguyễn Hà Nội Tặng 01 giếng khoan, 50 cái bàn, 150 cái ghế, 150 cái bát in nóc, 200 cái thìa in nóc, trị giá 70.000.000 đồng (cho học sinh bản Púng Pá Kha)

Năm học 2024-2025: được Cty OTV truyền thông, Cường Atu tặng 3 bình lọc nước; 2 giếng khoan; đồ dùng cho 830 học sinh, máng rửa tay; 6 tủ đông ; đồ chơi ngoài trời tổng giá trị 760 triệu đồng.

Tuy nhiên việc huy động các nguồn kinh phí của các cá nhân (Cha mẹ học sinh) còn nhiều hạn chế do điều kiện kinh tế của nhân dân trên địa bàn toàn xã còn nhiều khó khăn [H1-1.2-08].

Mức 2

Trong các năm qua nhà trường đã tham mưu với các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương tạo điều kiện từng bước thực hiện phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; huy động trẻ trong độ tuổi ra lớp, xây dựng cảnh quan môi trường giáo dục lấy trẻ làm trung tâm; hoạt động trải nghiệm; tu sửa cơ sở vật chất nhà trường; tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ trẻ như: chế độ ăn trưa, hỗ trợ chi phí học tập, trẻ dân tộc [H1-1.2-08];

Nhà trường phối hợp với các tổ chức đoàn thể, cá nhân tổ chức các hoạt động thể dục thể thao, văn hóa văn nghệ do ngành và địa phương tổ chức. Phối kết hợp tốt với các tổ chức trong nhà trường như: Đoàn thanh niên, Công đoàn để tổ chức các đợt giao lưu văn nghệ như: ngày 20/10, 20/11, 8/3, Ngày hội đến trường của bé, các hoạt động lễ hội, phù hợp với truyền thống địa phương [H1-1.2-08]; [3.1-02].

Mức 3

Nhà trường tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương xây dựng theo tiêu chí cơ quan đơn vị đạt chuẩn văn hóa, phối hợp có hiệu quả với chi bộ, công đoàn nhà trường, các cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương. Trong 5 năm tính đến thời điểm đánh giá nhà trường được công nhận cơ quan, đơn vị đạt chuẩn văn hóa [H4-4.2-01]; [H4-4.2-02].

2. Điểm mạnh

Nhà trường thực hiện có hiệu quả công tác tham mưu với cấp uỷ Đảng, chính quyền địa phương trong việc xây dựng kế hoạch giáo dục thực hiện

phương hướng, chiến lược phát triển theo năm học, giai đoạn nhằm nâng cao các điều kiện về cơ sở vật chất trường lớp đáp ứng với yêu cầu chăm sóc, giáo dục trẻ. Tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành giáo dục, huy động các nguồn lực để xây dựng cảnh quan trường lớp sạch đẹp, an toàn cho trẻ hoạt động. Phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để tổ chức các hoạt động lễ hội, sự kiện theo kế hoạch, phù hợp với truyền thống của địa phương. Trong 5 năm tính đến thời điểm đánh giá nhà trường được công nhận cơ quan, đơn vị đạt chuẩn văn hóa.

3. Điểm yếu:

Việc huy động các nguồn kinh phí của các cá nhân (Cha mẹ học sinh) còn nhiều hạn chế do điều kiện kinh tế của nhân dân trên địa bàn toàn xã còn nhiều khó khăn.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền và các tổ chức đoàn thể của địa phương để được hỗ trợ nguồn kinh phí đầu tư cho những hoạt động giáo dục hằng năm của nhà trường.	Cán bộ quản lý	Các kế hoạch, tờ trình tham mưu với địa phương, các đoàn thể	Năm học 2024-2025	Không
Tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành giáo dục, về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục.	Cán bộ quản lý	Tổ chức hội nghị, các bài tuyên truyền	Năm học 2024-2025	Không
Tăng cường công tác phối hợp với các tổ chức cá nhân, các đoàn thể để tổ chức các hoạt động lễ hội, các sự kiện theo kế hoạch phù hợp với truyền thống của địa phương.	Cán bộ quản lý và cha mẹ học sinh	Tổ chức hội nghị, các bài tuyên truyền	Năm học 2024-2025	Không

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3.

Kết luận về tiêu chuẩn 4

*** Điểm mạnh.**

Hằng năm, nhà trường thành lập Ban đại diện cha mẹ trẻ theo đúng cơ cấu tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm và hoạt động tuân thủ theo Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.

Ban đại diện cha mẹ học sinh thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn và có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ với nhà trường làm tốt công tác tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương để nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ. Chủ động phối kết hợp với nhà trường trong việc tuyên truyền phổ biến Pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục thông qua các cuộc họp với nhiều hình thức khác nhau để nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ. Nhà trường thực hiện hiệu quả công tác tham mưu tới các cấp ủy đảng chính quyền địa phương và huy động ngày công lao động của hội phụ huynh học sinh, tu sửa cơ sở vật chất, xây dựng cảnh quan môi trường nhằm đảm bảo các tiêu chuẩn của trường kiểm định chất lượng, đồng thời phối kết hợp trong việc tổ chức các hoạt động lễ hội, sự kiện theo kế hoạch, phù hợp với truyền thống của địa phương một cách hiệu quả.

*** Điểm yếu.**

Hằng năm, nhà trường vẫn chưa huy động các nguồn kinh phí của các cá nhân (Cha mẹ học sinh) còn nhiều hạn chế do điều kiện kinh tế của nhân dân trên địa bàn toàn xã còn nhiều khó khăn

*** Kết quả tự đánh giá**

- Số tiêu chí đạt yêu cầu mức 1: 2/2
- Số tiêu chí đạt yêu cầu mức 2: 2/2
- Số tiêu chí đạt yêu cầu mức 3: 2/2
- Số tiêu chí chưa đạt yêu cầu mức 3: 0

Tiêu chuẩn 5: Hoạt động và kết quả nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ

Mở đầu:

Nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ vừa là mục tiêu, nhiệm vụ, vừa là giải pháp quan trọng trong suốt những năm học vừa qua. Để chất lượng giáo dục ngày một nâng cao, nhà trường luôn chỉ đạo giáo viên thực hiện nghiêm túc Chương trình GDMN; Định kỳ rà soát, đánh giá việc thực hiện Chương trình và có điều chỉnh kịp thời, phù hợp. Quan tâm xây dựng môi trường giáo dục lấy trẻ làm trung tâm, tạo cơ hội cho trẻ được học tập, vui chơi, trải nghiệm. Tổ chức các hoạt động giáo dục đa dạng về hình thức, linh hoạt về phương pháp dạy học, phù hợp với mục tiêu nội dung giáo dục, với trẻ và điều kiện nhà trường, địa phương nhằm phát huy tính tích cực, chủ động sáng tạo giúp trẻ phát triển toàn diện về Đức - Trí - Thể - Mỹ.

Nhà trường làm tốt công tác phối kết hợp với cơ sở y tế của địa phương

thực hiện nghiêm túc việc chăm sóc, giáo dục trẻ; cân đo, khám sức khỏe định kỳ theo đúng quy định, phát hiện những trẻ suy dinh dưỡng, thấp còi để có hướng phục hồi, phòng, chống kịp thời suy dinh dưỡng, thấp còi cho trẻ. Hằng năm nhà trường chỉ đạo giáo viên thực hiện tốt công tác duy trì sĩ số, nâng cao tỷ lệ trẻ chuyên cần, nâng cao chất lượng trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình GDMN.

Tiêu chí 5.1: Thực hiện Chương trình giáo dục mầm non

Mức 1:

- a) Tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non theo kế hoạch;*
- b) Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành phù hợp quy định về chuyên môn của cơ quan quản lý giáo dục, với điều kiện nhà trường;*
- c) Định kỳ rà soát, đánh giá việc thực hiện Chương trình giáo dục mầm non và có điều chỉnh kịp thời phù hợp.*

Mức 2:

- a) Tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non đảm bảo chất lượng;*
- b) Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, phù hợp với văn hóa địa phương, đáp ứng khả năng và nhu cầu của trẻ.*

Mức 3:

- a) Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành trên cơ sở tham khảo chương trình giáo dục của các nước trong khu vực và thế giới đúng quy định, hiệu quả, phù hợp với thực tiễn của địa phương;*
- b) Hằng năm, tổng kết, đánh giá việc thực hiện chương trình giáo dục của nhà trường, từ đó điều chỉnh, cải tiến nội dung, phương pháp giáo dục để nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.*

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non theo Thông tư số 51/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020, đảm bảo đúng kế hoạch [H1 - 1.8 - 01]; [H1-1.8 - 02];

Căn cứ Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, dựa trên điều kiện thực tế của nhà trường, của địa phương và đặc điểm của các độ tuổi để xây dựng kế hoạch Chương trình giáo dục mầm non phù hợp. Các mục tiêu được xây dựng từ dễ đến khó, từ đơn giản đến phức tạp và lồng vào các hoạt động phù hợp với độ tuổi. Kế hoạch Chương trình giáo dục nhà trường được thảo luận và thống nhất trước khi triển khai đến các nhóm lớp để thực hiện

[H1-1.8 - 01]; [H1 - 1.8 - 02];

Nhà trường định kỳ rà soát, đánh giá việc thực hiện Chương trình giáo dục mầm non. Sau mỗi chủ đề giáo viên đánh giá kết quả các mục tiêu đạt được; những mục tiêu còn hạn chế và căn cứ vào các phiếu đánh giá cuối chủ đề để rà soát các nội dung đã thực hiện trong Chương trình giáo dục mầm non ở các độ tuổi xem các nội dung có phù hợp với kết quả mong đợi hay chưa? Còn có những bất cập gì? Để bổ sung, thay đổi phù hợp hơn [H1- 1.6 - 02]; [H1 - 1.8 - 01]; [H1 -1.8 - 02]; [H5 - 5.1 - 01]

Mức 2:

Hằng năm nhà trường xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non đảm bảo chất lượng, phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương, đảm bảo phù hợp với trẻ [H1- 1.1 - 03]; [H1 - 1.8 - 01]; [H1 -1.8 - 02];

Dựa trên kế hoạch giáo dục trẻ mầm non của Bộ giáo dục và Đào tạo, nhà trường đã dựa vào điều kiện thực tế của địa phương và các đặc điểm của độ tuổi để phát triển thành kế hoạch giáo dục đảm bảo tính kế thừa và phát triển nhằm nâng cao tính tư duy, sáng tạo của trẻ, giúp trẻ có các hoạt động thực sự lấy trẻ làm trung tâm. Các mục tiêu lựa chọn phù hợp với đặc điểm của trẻ [H1- 1.8 - 01]; [H1 -1.8 - 02];

Mức 3:

Nhà trường đã xây dựng Chương trình giáo dục mầm non do Bộ giáo dục và Đào tạo ban hành phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương tuy nhiên chưa tham khảo được chương trình giáo dục của các nước trong khu vực và thế giới [H1 - 1.8 - 01];

Hằng năm nhà trường có tổng kết đánh giá việc thực hiện Chương trình giáo dục mầm non, từ đó có sự điều chỉnh, cải tiến nội dung và phương pháp giáo dục để nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ [H1- 1.1- 03].

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã căn cứ vào Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành để lựa chọn mục tiêu, nội dung và xây dựng, phát triển chương trình giáo dục của nhà trường phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường, địa phương và nhu cầu, khả năng nhận thức của trẻ theo từng độ tuổi. Nhà trường định kỳ rà soát, đánh giá việc thực hiện Chương trình giáo dục mầm non. Hằng năm tổng kết đánh giá việc thực hiện Chương trình giáo dục mầm non từ đó kịp thời điều chỉnh, cải tiến các nội dung, phương pháp giáo dục để nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

3. Điểm yếu

Nhà trường chưa tham khảo Chương trình giáo dục của các nước trong khu vực và thế giới để áp dụng để phù hợp với thực tiễn của nhà trường, địa phương.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học này và những năm học tiếp theo nhà trường nâng cao hơn nữa chất lượng thực hiện Chương trình giáo dục mầm non phần đầu cuối năm học 2024-2025 tỷ lệ trẻ đạt theo các mục tiêu cuối độ tuổi từ 95% trở lên. Trong giai đoạn 2020 - 2025 nhà trường tích cực tham khảo chương trình giáo dục của các nước trong khu vực và thế giới nhằm nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

Mức 1:

- a) Thực hiện linh hoạt các phương pháp, đảm bảo phù hợp với mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp với trẻ mầm non và điều kiện nhà trường;*
- b) Tổ chức môi trường giáo dục theo hướng tạo điều kiện cho trẻ được vui chơi, trải nghiệm;*
- c) Tổ chức các hoạt động giáo dục bằng nhiều hình thức đa dạng phù hợp với độ tuổi của trẻ và điều kiện thực tế.*

Mức 2:

Tổ chức các hoạt động thực hành, trải nghiệm, khám phá môi trường xung quanh phù hợp với nhu cầu, hứng thú của trẻ và điều kiện thực tế.

Mức 3:

Tổ chức môi trường giáo dục trong và ngoài lớp học phù hợp với nhu cầu, khả năng của trẻ kích thích hứng thú, tạo cơ hội cho trẻ tham gia hoạt động vui chơi, trải nghiệm theo phương châm "chơi mà học, học bằng chơi".

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Dựa trên kế hoạch giáo dục các độ tuổi, giáo viên đã tổ chức thực hiện linh hoạt các phương pháp giáo dục trẻ như: Quan sát - đàm thoại, giảng giải - thuyết trình, động viên - khuyến khích, tình cảm - khích lệ, nêu gương, đánh giá...nhằm kích thích trẻ tham gia vào các hoạt động và tổ chức hoạt động linh hoạt mang lại hiệu quả; phù hợp với mục tiêu và nội dung giáo dục và đặc điểm phát triển của độ tuổi và với điều kiện của nhà trường [H1- 1.8-02];

Nhà trường có 27/27 nhóm, lớp đã xây dựng và tổ chức tốt môi trường giáo dục trong và ngoài lớp học theo quan điểm giáo dục lấy trẻ làm trung tâm tạo điều kiện cho tất cả các trẻ được vui chơi, trải nghiệm. Các góc chơi được bố trí hợp lý, đảm bảo nguyên tắc động - tĩnh. Đã sưu tầm được các nguyên vật liệu để trẻ thực hành trải nghiệm theo ý thích và phù hợp với chủ đề, phù hợp với độ tuổi. Giáo viên đã quan tâm chú trọng đến góc thực hành các kỹ năng sáng tạo như: Tô, vẽ, xé dán, lắp ráp.... theo ý thích [5.2 - 01];

Giáo viên tổ chức các hoạt động giáo dục một cách linh hoạt, đa dạng về hình thức phong phú về phương pháp, phù hợp với đối tượng của từng độ tuổi và thực tế của trường, lớp [H1- 1.1 - 03]; [H1- 1.8- 02].

Mức 2:

Các nhóm, lớp đã tổ chức cho trẻ được thực hành, trải nghiệm, khám phá môi trường xung quanh ở mọi lúc, mọi nơi, mang tính thiết thực, phù hợp với hứng thú, nhu cầu, khả năng của trẻ và điều kiện thực tế của nhà trường như: Tết nguyên đán, tết trung thu, tết thiếu nhi, các hội thi “Bé khỏe bé ngoan”, “Bé khéo tay”, ngày hội thể thao của bé ...trồng và chăm sóc vườn hoa, cây cảnh, cùng nhau trải nghiệm với nước, đất, cát, sỏi, đá ... [H4 - 4.1 - 04].

Mức 3:

Tổ chức môi trường giáo dục trong và ngoài lớp đều được thiết kế theo hướng mở, trẻ có thể tháo lắp dễ dàng như góc làm quen với chữ cái của khối 5 tuổi, góc khám phá khoa học. Các nguyên vật liệu mở được sắp xếp dễ thấy, dễ lấy, giúp trẻ hứng thú trong hoạt động vui chơi học tập. Ở các góc chơi trẻ có nhiều cơ hội vui chơi trải nghiệm theo phương châm “Chơi mà học, học bằng chơi” [5.2 - 01].

2. Điểm mạnh:

Nhà trường thực hiện linh hoạt các phương pháp, đảm bảo phù hợp với mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp với trẻ mầm non và điều kiện nhà trường, tổ chức môi trường giáo dục theo hướng tạo điều kiện cho trẻ được vui chơi, trải nghiệm, khám phá môi trường xung quanh phù hợp với nhu cầu, hứng thú của trẻ và điều kiện thực tế, theo phương châm" chơi mà học, học bằng chơi".

3. Điểm yếu

- Không có.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường tiếp tục chỉ đạo giáo viên các nhóm lớp tích cực tạo cảnh quan môi trường trong và ngoài lớp học đảm bảo theo quan điểm giáo dục lấy trẻ làm trung tâm.

Tiếp tục tạo điều kiện cho giáo viên các nhóm, lớp tổ chức các hoạt động giáo dục một cách linh hoạt, đa dạng về hình thức phong phú về phương pháp, phù hợp với đối tượng của từng độ tuổi và thực tế của trường, lớp.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 5.3: Kết quả nuôi dưỡng và chăm sóc trẻ

Mức 1:

a) Nhà trường phối hợp với cơ sở y tế địa phương tổ chức các hoạt động chăm sóc sức khỏe cho trẻ;

b) 100% trẻ được kiểm tra sức khỏe, đo chiều cao, cân nặng, đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng theo quy định;

c) Ít nhất 80% trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì được can thiệp bằng các biện pháp phù hợp, tình trạng dinh dưỡng của trẻ được cải thiện so với đầu năm học.

Mức 2:

a) Nhà trường tổ chức tư vấn cho cha mẹ trẻ hoặc người giám hộ về các vấn đề liên quan đến sức khỏe, phát triển thể chất và tinh thần cho trẻ;

b) Chế độ dinh dưỡng của trẻ tại trường được đảm bảo cân đối, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng, đảm bảo theo quy định.

c) 100% trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì được can thiệp bằng những biện pháp phù hợp, tình trạng dinh dưỡng của trẻ cải thiện so với đầu năm học.

Mức 3:

Có ít nhất 95% trẻ khỏe mạnh, chiều cao, cân nặng phát triển bình thường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Hằng năm nhà trường làm tốt công tác phối hợp với cơ sở y tế địa phương tổ chức các hoạt động chăm sóc sức khỏe cho trẻ như: Khám sức khỏe định kỳ 2 lần trên năm, cho trẻ uống các loại vitamin, thuốc tẩy giun theo kế hoạch của y tế, tuyên truyền về phòng chống các loại dịch bệnh. [H5 - 5.3 - 01];[H5 - 5.3 - 02];

100% trẻ đến trường được kiểm tra và khám sức khỏe định kỳ 2 lần/năm. Cân, đo và theo dõi bằng biểu đồ tăng trưởng theo quy định. Tính đến thời điểm đánh giá tỷ lệ trẻ có chiều cao bình thường 778/812 trẻ đạt 95,8%, cân nặng phát triển bình thường 779/812 trẻ đạt 96% [H5 - 5.3 - 02]; [H5 - 5.3 - 03];[H5 - 5.3 - 04];

100% trẻ em suy dinh dưỡng được can thiệp bằng những biện pháp phù hợp. Tính đến thời điểm đánh giá tình trạng dinh dưỡng của trẻ được cải thiện so với đầu năm học, trẻ nhẹ cân giảm còn 4%, trẻ thấp còi giảm còn 4,2 % [H5 - 5.3 - 05].

Mức 2:

Hằng năm, vào đầu năm học nhà trường đã tổ chức tư vấn cho cha mẹ trẻ và người giám hộ về nội dung chăm sóc sức khỏe, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ: Vệ sinh phòng bệnh theo mùa, không đưa trẻ đến trường khi trẻ ốm... thông qua họp phụ huynh, trao đổi qua giờ đón, trả trẻ [H1 - 1.8 - 02]; [H4 - 4.1- 03]; [H4 - 4.1 - 04];

Có biện pháp chăm sóc trẻ suy dinh dưỡng, thấp còi ở các nhóm, lớp như: Chế độ ăn hàng ngày của trẻ tại trường được đảm bảo cân đối 04 nhóm thực phẩm, tỷ lệ calo đạt từ 615 - 726 calo, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng, đảm bảo theo quy định. Giáo viên đã quan tâm chăm sóc trẻ, động viên trẻ ăn hết suất, chú ý tới trẻ mới ốm dậy. Trẻ nhà trẻ ăn 2 bữa chính và 1 bữa phụ, trẻ mẫu giáo ăn 1 bữa chính và 1 bữa phụ tại trường [H5 - 5.3 - 03]; [H1 - 1.6 – 05]

Thực hiện nghiêm túc công tác chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục trẻ theo Chương trình giáo dục mầm non. Tính khẩu phần ăn để cân đối lượng thực phẩm hàng ngày cho trẻ, đảm bảo tỷ lệ giữa các chất giúp trẻ suy dinh dưỡng được phục hồi và hạn chế tốc độ tăng cân. Xây dựng kế hoạch phục hồi dinh dưỡng cho trẻ bị suy dinh dưỡng và hạn chế tốc độ tăng cân, tình trạng dinh dưỡng của trẻ cải thiện so với đầu năm học [H1 - 1.6 - 05]; [H5 - 5.3 - 05]

Mức 3:

Tính đến thời điểm đánh giá tỷ lệ trẻ có chiều cao bình thường 778/812 trẻ đạt 95,8%, cân nặng phát triển bình thường 779/812 trẻ đạt 96% [H5-5.3-02]; [H5 - 5.3- 03]; [H5 - 5.3- 04].

2. Điểm mạnh

Nhà trường làm tốt công tác phối hợp với trạm y tế địa phương tổ chức các hoạt động chăm sóc sức khỏe cho trẻ, 100% trẻ được khám sức khỏe định kỳ, đo chiều cao, cân nặng, đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng theo quy định. Tính đến thời điểm đánh giá tỷ lệ trẻ có chiều cao bình thường đạt 95,8%, cân nặng phát triển bình thường đạt 96%. Xây dựng chế độ dinh dưỡng của trẻ em phù hợp với độ tuổi, được đảm bảo cân đối, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng. 100% trẻ suy dinh dưỡng được nhà trường quan tâm can thiệp bằng những biện pháp phù hợp như thường xuyên thay đổi khẩu phần ăn cho trẻ, có chế độ dinh dưỡng hợp lý, có kế hoạch luyện tập phù hợp. Hằng năm, nhà trường đã tổ chức tư vấn cho cha mẹ trẻ và người giám hộ về nội dung chăm sóc sức khỏe, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ. Tính đến thời điểm đánh giá tình trạng dinh dưỡng của trẻ được cải thiện so với đầu năm học.

3. Điểm yếu

Tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi, thể nhẹ cân của nhà trường còn cao trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi là 4,2 %, trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân là 4%, nguồn thực phẩm của nhà trường còn nhiều hạn chế về chủng loại.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học này và những năm học tiếp theo nhà trường tiếp tục làm tốt công tác phối hợp với các cơ sở y tế trong việc khám sức khỏe cho trẻ. Thực hiện tốt công tác vệ sinh an toàn thực phẩm, cải thiện bữa ăn cho trẻ bị suy dinh dưỡng, có chế độ ăn hợp lý đối với trẻ suy dinh dưỡng. Lựa chọn nguồn thực phẩm phong phú để thay đổi thực đơn thường xuyên cho trẻ. Thường xuyên phối kết hợp với phụ huynh thực hiện tốt công tác nuôi dưỡng, chăm sóc, duy trì và nâng cao tỷ lệ trẻ phát triển bình thường về cân nặng và chiều cao. Tham khảo tài

liệu về nội dung tư vấn cho cha mẹ trẻ, người giám hộ về các vấn đề liên quan đến sức khỏe, phát triển thể chất và tinh thần của trẻ, nâng cao hiệu quả của các buổi tuyên truyền với nội dung đa dạng, phong phú.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 5.4: Kết quả giáo dục

Mức 1:

a) Tỷ lệ chuyên cần đạt ít nhất 90% đối với trẻ 5 tuổi, 85% đối với trẻ dưới 5 tuổi; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 85% đối với trẻ 5 tuổi, 80% đối với trẻ dưới 5 tuổi;

b) Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt ít nhất 90%; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 80% ;

c) Trẻ khuyết tật học hòa nhập, trẻ có hoàn cảnh khó khăn được nhà trường quan tâm giáo dục theo kế hoạch giáo dục cá nhân.

Mức 2:

a) Tỷ lệ chuyên cần đạt ít nhất 95% đối với trẻ 5 tuổi, 90% đối với trẻ dưới 5 tuổi; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 90% đối với trẻ 5 tuổi, 85% đối với trẻ dưới 5 tuổi;

b) Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt ít nhất 95%; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 90%;

c) Trẻ khuyết tật học hòa nhập (nếu có) được đánh giá có tiến độ đạt ít nhất 80%

Mức 3:

a) Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt ít nhất 97%; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 95%;

b) Trẻ khuyết tật học hòa nhập (nếu có) được đánh giá có tiến độ đạt ít nhất 85%.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

Nhà trường đã huy động và duy trì được tỷ lệ trẻ chuyên cần đạt từ 95% trở lên. Trong đó trẻ nhà trẻ 220/235 đạt 93,6%, trẻ từ 3 đến 5 tuổi 570/583 đạt 97,7%, Riêng trẻ 5 tuổi 152/155 trẻ đạt 98% [H1- 1.5 - 02];

Hàng năm nhà trường có 100% trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình giáo dục mầm non. Tại thời điểm đánh giá nhà trường đã huy động được 181/181 trẻ trong tuổi ra lớp và thực hiện giáo dục theo Chương trình giáo dục mầm non [H1-1.5- 02]; [H5 - 5.4 - 01];

Trẻ khuyết tật học hòa nhập: Trong 5 năm liên tục tính đến thời điểm được đánh giá, năm học 2024 - 2025 nhà trường có 01 trẻ khuyết tật được học

hòa nhập và được nhà trường quan tâm giáo dục theo kế hoạch giáo dục cá nhân [H1 - 1.5 - 03].

Mức 2

Hàng năm nhà trường đã huy động và duy trì số lượng trẻ ra nhóm, lớp đạt tỷ lệ chuyên cần từ 95% trở lên. Trong đó riêng trẻ 5 tuổi 152/155 trẻ đạt 98% [H1- 1.5 - 02];

Hàng năm nhà trường có 100% trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non [H5 - 5.4 - 01];

Trẻ khuyết tật học hòa nhập: Trong 5 năm liên tục tính đến thời điểm được đánh giá, năm học 2024 - 2025 nhà trường có 01 trẻ khuyết tật được học hòa nhập và được nhà trường quan tâm giáo dục theo kế hoạch giáo dục cá nhân [H1 - 1.5 - 03].

Mức 3

Hàng năm nhà trường có 100% trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non [H5 - 5.4 - 01];

Trẻ khuyết tật học hòa nhập: Trong 5 năm liên tục tính đến thời điểm được đánh giá, năm học 2024 - 2025 nhà trường có 01 trẻ khuyết tật được học hòa nhập và được nhà trường quan tâm giáo dục theo kế hoạch giáo dục cá nhân [H1 - 1.5 - 03].

2. Điểm mạnh

Hàng năm nhà trường làm tốt công tác tuyên truyền huy động và duy trì tỷ lệ trẻ chuyên cần luôn đạt 95% trở lên, riêng trẻ 5 tuổi đạt 98% trở lên tính 100% trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình GDMN.

3. Điểm yếu

- Tỷ lệ trẻ đi học chuyên cần của trẻ Nhà trẻ còn thấp 93,6%.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2025 - 2026 và những năm tiếp theo nhà trường thực hiện những biện pháp như: Thực hiện tốt chương trình giáo dục mầm non, tăng cường tổ chức các hoạt động giáo dục theo hướng thực hành, trải nghiệm và sáng tạo; tổ chức tốt các hội thi của trẻ; tuyên truyền vận động phụ huynh thông qua các buổi họp, trao đổi trực tiếp hằng ngày để huy động trẻ ra lớp đạt tỷ lệ chuyên cần cao hơn, đặc biệt là trẻ dưới 5 tuổi. Tiếp tục quan tâm chăm sóc giáo dục trẻ khuyết tật và đánh giá sự tiến bộ của trẻ để có biện pháp điều chỉnh kịp thời.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3

Kết luận về Tiêu chuẩn 5

Nhà trường xây dựng Kế hoạch thực hiện Chương trình giáo dục mầm non và phát triển phù hợp theo quy định.

Hàng năm tổng kết đánh giá việc thực hiện Chương trình giáo dục mầm non, kịp thời điều chỉnh, cải tiến các nội dung, phương pháp giáo dục nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ. Giáo viên các nhóm lớp xây dựng tổ chức các hoạt động giáo dục bằng nhiều hình thức đa dạng, phù hợp với mục tiêu nội dung giáo dục, đối tượng trẻ, điều kiện thực tế của nhà trường.

Làm tốt công tác phối hợp với trạm y tế địa phương tổ chức các hoạt động chăm sóc sức khỏe cho trẻ, 100% trẻ được khám sức khỏe định kỳ, đo chiều cao, cân nặng, đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng theo quy định. Chế độ dinh dưỡng của trẻ được nhà trường xây dựng phù hợp với độ tuổi, đảm bảo cân đối, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng.

100% trẻ suy dinh dưỡng được nhà trường quan tâm can thiệp bằng những biện pháp phù hợp, tính đến thời điểm đánh giá tình trạng dinh dưỡng của trẻ cải thiện so với đầu năm học. Thường xuyên làm tốt công tác tuyên truyền duy trì sĩ số, nâng cao tỷ lệ trẻ chuyên cần của trẻ.

Tuy nhiên nhà trường chưa tham khảo chương trình giáo dục của các nước trong khu vực và thế giới để áp dụng để phù hợp với thực tiễn của nhà trường, địa phương.

+ Số tiêu chí đạt yêu cầu: 4

+ Số tiêu chí không đạt yêu cầu: 0

II. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 4

Tiêu chí 1:

Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non của Bộ Giáo dục và Đào tạo trên cơ sở tham khảo, áp dụng hiệu quả mô hình, phương pháp giáo dục tiên tiến của các nước trong khu vực và thế giới; chương trình giáo dục thúc đẩy được sự phát triển toàn diện của trẻ, phù hợp với độ tuổi và điều kiện của nhà trường, văn hóa địa phương.

1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường xây dựng kế hoạch phát triển chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành trên cơ sở ứng dụng các phương pháp dạy học tiên tiến của các nước trong khu vực và trên thế giới như phương pháp giáo dục STEM/STEAM, ứng dụng công nghệ số vào chương trình giáo dục giúp trẻ phát triển toàn diện, phù hợp với độ tuổi và điều kiện của nhà trường, văn hóa địa phương. Nhà trường xây dựng chương trình giáo dục nhằm thúc đẩy sự phát triển toàn diện của trẻ em đáp ứng được nhu cầu đổi mới của Giáo dục và Đào tạo hiện nay.

Nhà trường phát triển Chương trình Giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, lựa chọn các mục tiêu, nội dung, xây dựng kế hoạch năm học, kế hoạch chủ đề, tuần phù hợp với bối cảnh văn hóa của địa phương, điều kiện của nhóm lớp, đáp ứng khả năng và nhu cầu nhận thức của trẻ theo từng độ tuổi.

Tổ chức thực hiện có hiệu quả, đảm bảo chất lượng, mục tiêu cần đạt cuối độ của trẻ [H1-1.2-04]; [H1-1.6-02].

2. Điểm mạnh

Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục Nhà trường trên cơ sở chương trình giáo dục mầm non do bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành phù hợp với thực tế nhóm, lớp, khả năng nhận thức của trẻ em, văn hóa địa phương triển khai thực hiện có hiệu quả đảm bảo mục tiêu giáo dục và góp phần thúc đẩy sự phát triển toàn diện cho trẻ các độ tuổi.

3. Điểm yếu: Nhà trường xây dựng chương trình giáo dục phát triển trẻ nhà trẻ chưa tham khảo chương trình giáo dục của các nước trong khu vực và trên thế giới

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/ công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Tiếp tục phát triển chương trình giáo dục Nhà trường phù hợp với điều kiện thực tế của trẻ, nhà trường và địa phương.	Cán bộ quản lý, tổ trưởng, giáo viên cốt cán.	Cơ sở vật chất, đội ngũ cán bộ giáo viên, nhân viên, trẻ em	Trong năm học 2024-2025	Không
Tiếp tục phát triển chương trình giáo dục mầm non của Bộ Giáo dục và Đào tạo có tham khảo, áp dụng hiệu quả mô hình, phương pháp giáo dục tiên tiến	Cán bộ quản lý, tổ trưởng chuyên môn giáo viên cốt cán	Cán bộ quản lý, giáo viên, kinh phí thực hiện	Từ năm học 2024-2025	20.000.000đ
Tạo điều kiện cho cán bộ quản lý, giáo viên tham gia học tập bồi dưỡng kiến thức về phương pháp giáo dục tiên tiến của các nước để áp dụng vào thực hiện Chương trình giáo dục nhà trường góp phần thúc đẩy sự	Cán bộ quản lý, tổ trưởng, giáo viên cốt cán.	Kế hoạch học tập bồi dưỡng nâng cao trình độ	Trong năm học 2024-2025 và các năm tiếp	Không

phát triển toàn diện cho trẻ các độ tuổi			theo.	
Chỉ đạo tổ chuyên môn thực hiện đánh giá kết quả phát triển của trẻ theo quy định để kịp thời có các biện pháp điều chỉnh kế hoạch giáo dục cho phù hợp với điều kiện cụ thể của trường, lớp, địa phương và nhu cầu, hứng thú của trẻ.	Cán bộ quản lý, tổ trưởng, giáo viên	Kế hoạch phát triển nhà trường, kế hoạch sinh hoạt chuyên môn tổ, kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn của trường	Trong năm học 2024-2025	Không

5. Tự đánh giá: Chưa đạt.

Tiêu chí 2:

Ít nhất 90% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá, trong đó ít nhất 40% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt; đối với trường thuộc vùng khó khăn có ít nhất 80% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 30% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt. Chất lượng đội ngũ giáo viên đáp ứng được phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Trong 5 năm học, nhà trường có tỷ lệ giáo viên được đánh giá xếp loại theo chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non từ mức khá trở lên là 90% trong đó mức tốt từ 46,7% trở lên, cụ thể như sau Năm học 2020 - 2021 chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non đạt mức tốt 3/34 đạt 8,8%, khá 25/34 đạt 35,873,5% , Đạt 7/34 đạt 20,5%; năm học 2021 - 2022 chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non đạt mức tốt 4/30 đạt 13,3 %, khá 19/30 đạt 63,3 %, đạt 7/30 đạt 23,3%; năm học 2022- 2023 chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non đạt mức tốt 2/34 đạt 5,8 %, Khá 25/34 đạt 73,5%; Đạt 7/34 đạt 20,5%; năm học 2023- 2024 chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non đạt mức tốt 16/37 đạt 43,2 %, Khá 17/42 đạt 45,9 %; năm học 2024- 2025 chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non đạt mức tốt 19/44 đạt 43,1 %, Khá 13/44 đạt 29,5 % [H2-2.2-02].

Hàng năm, nhà trường luôn tổ chức cho giáo viên tham gia hội thi giáo viên dạy giỏi cấp trường; bồi dưỡng, tạo điều kiện cho giáo viên tham gia hội thi giáo viên dạy giỏi cấp huyện, cấp tỉnh. Tỷ lệ giáo viên đạt giáo viên dạy giỏi các cấp đạt TRÊN 50%. Tính đến thời điểm đánh giá tỷ lệ giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh 2%; giáo viên giỏi cấp huyện đạt 20%; giáo viên dạy giỏi cấp trường đạt 42,5%. Chất lượng đội ngũ giáo viên đáp ứng được phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường [H1-1.1-02]; [H1-1.2-03]; [H1-1.8-01].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp ở mức khá trở lên. Chất lượng đội ngũ giáo viên được đánh giá đáp ứng được phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường.

3. Điểm yếu: Không.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Tiếp tục thực hiện tốt công tác kiểm tra nội bộ trường học	Cán bộ quản lý, Giáo viên	Kế hoạch kiểm tra nội bộ trường học	Trong năm học 2024-2025	Không
Tiếp tục tổ chức tốt hội thi giáo viên giỏi cấp trường theo quy định	Cán bộ quản lý, Giáo viên	Thông tư 22/2019/TT-BGDĐT quy định về hội thi giáo viên dạy giỏi	Trong năm học 2024-2025	Không
Tăng cường bồi dưỡng ứng dụng công nghệ thông tin cho giáo viên trong tổ chức các hoạt động giáo dục cho trẻ ở các nhóm lớp với nhiều hình thức khác nhau: cấp tổ, cấp trường; tạo điều kiện cho giáo viên tham gia bồi dưỡng về phương pháp giáo dục tiên tiến hiện nay	Cán bộ quản lý, tổ trưởng chuyên môn, giáo viên cốt cán	Kế hoạch phát triển nhà trường, kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn cho giáo viên, kế hoạch tổ chức hội thi giáo viên giỏi cấp trường	Trong năm học 2024-2025 và những năm học tiếp theo	

5. Tự đánh giá: Đạt.

Tiêu chí 3:

Sân vườn và khu vực cho trẻ chơi có diện tích đạt chuẩn hoặc trên chuẩn theo quy định tại Tiêu chuẩn Việt Nam về yêu cầu thiết kế trường mầm non; có các góc chơi, khu vực hoạt động trong và ngoài nhóm lớp tạo cơ hội cho trẻ được khám phá, trải nghiệm, giúp trẻ phát triển toàn diện.

1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường có sân vườn và khu vực cho trẻ em chơi có diện tích đạt chuẩn theo quy định tại Tiêu chuẩn Việt Nam về yêu cầu thiết kế: sân chơi chung diện tích 7.797m² diện tích bình quân 9,6m²/trẻ đảm bảo cho trẻ hoạt động; sân chơi của nhà trường có các góc chơi như: góc chơi với thiên nhiên, góc chơi với các

nguyên vật liệu sẵn có tại địa phương, góc chơi với các thiết bị chơi ngoài trời; khu vực hoạt động trong và ngoài nhóm lớp có các góc chơi tạo điều kiện cho trẻ khám phá, trải nghiệm như: góc địa phương, góc sách, góc thiên nhiên trẻ được trải nghiệm như chơi với sỏi đá, chơi nhóm kỹ năng xâu lỗ, tô vẽ, tháo vặn nút chai, đan nan, chơi với các vật liệu thiên nhiên.....giúp trẻ phát triển toàn diện. Tuy nhiên sân chơi của nhà trường chưa có đường chạy dài, hố cát và bể vầy nước, nhà trường có vườn cây cho trẻ chăm sóc khám phá: Trẻ được tham gia trường có sân chơi chung dành cho trẻ tập thể dục và khu chơi các trò chơi vận động trồng trọt, nhổ cỏ, tỉa lá cây.... với tổng diện tích 4.367m². Nhà trường có sân khấu ngoài trời đảm bảo quy định [3.1-02]; [3.1-03].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có sân vườn và khu vực cho trẻ em chơi diện tích đảm bảo theo quy định; có sân chơi chung cho trẻ hoạt động cụ thể: trẻ chơi với góc thiên nhiên, góc chơi với các nguyên vật liệu sẵn có tại địa phương, góc chơi với các thiết bị chơi ngoài trời; có các khu vực hoạt động trong và ngoài nhóm lớp cho trẻ khám phá, trải nghiệm giúp trẻ phát triển toàn diện; có vườn cây cho trẻ chăm sóc khám phá; có sân chơi chung dành cho trẻ tập thể dục và khu chơi các trò chơi vận động, có sân khấu ngoài trời đảm bảo quy định.

3. Điểm yếu: Sân chơi chung ngoài trời chưa có đường chạy dài, hố cát và bể vầy nước.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Nhà trường tiếp tục phát huy những điểm mạnh của tiêu chí và tiếp tục xây dựng kế hoạch cải tạo, bố trí các khu vực sân chơi, sân vườn và các góc chơi, trải nghiệm phù hợp với điều kiện thực tế	Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên	Kế hoạch Phát triển nhà trường	Năm học 2024-2025 và các năm tiếp theo	150.000.000đ
Nhà trường làm tốt công tác xã hội hóa giáo dục để làm đường chạy, hố cát và bể vầy nước phục vụ hoạt động giáo dục thể chất và hoạt động khám phá trải nghiệm	Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên	Kế hoạch xã hội hoá giáo dục	Năm học 2024-2025	450.000.000đ

của trẻ.				
----------	--	--	--	--

5. Tự đánh giá: Chưa đạt.

Tiêu chí 4:

100% các công trình của nhà trường được xây dựng kiên cố. Có phòng tư vấn tâm lý. Có đầy đủ các trang thiết bị hiện đại phục vụ hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ. Có khu vực dành riêng để phát triển vận động cho trẻ, trong đó tổ chức được 02 (hai) môn thể thao phù hợp với trẻ lứa tuổi mầm non.

1. Mô tả hiện trạng

Các công trình của nhà trường được xây dựng kiên cố và bán kiên cố, cụ thể: Số công trình được xây dựng kiên cố 82,5% (khối phòng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ); 17,5% các công trình của nhà trường được xây dựng bán kiên cố (khối phòng hành chính quản trị, khối phòng phụ trợ) tuy nhiên nhà trường chưa có đầy đủ các trang thiết bị hiện đại để phục vụ cho các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em, có khu vực dành riêng để phát triển vận động cho trẻ em nhưng chưa đảm bảo các điều kiện để tổ chức 2 môn thể thao phù hợp với trẻ. Nhà trường chưa có phòng tư vấn tâm lý [H3-3.2-01]; [3.1-03].

1. Điểm mạnh: không có

2. Điểm yếu

Các công trình của nhà trường còn 17,5% xây dựng bán kiên cố; chưa có phòng tư vấn tâm lý, chưa có trang thiết bị hiện đại phục vụ hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em; chưa có khu vực để tổ chức được 02 môn thể thao phù hợp với trẻ em lứa tuổi mầm non.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Tiếp tục tham mưu với Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Nậm Pồ; Đảng ủy, Chính quyền địa phương Si Pa Phìn mở rộng diện tích đất để xây mới phòng tư vấn, tạo khu vực dành riêng để phát triển vận động cho trẻ	Cán bộ quản lý	Kế hoạch phát triển nhà trường; tờ trình xin mở rộng diện tích đất	Năm học 2029-2030;	2.000.000.000 đồng
Tiếp tục tham mưu với Phòng Giáo dục và Đào tạo	Cán bộ quản lý,	Kế hoạch phát triển	Năm học 2029-	3.000.000.000

huyện Nậm Pồ; Đảng ủy, Chính quyền địa phương Si Pa Phìn đầu tư xây mới các công trình kiên cố, phòng tư vấn tâm lý, đầu tư trang thiết bị hiện đại phục vụ hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em	giáo viên	nhà trường; tờ trình xin đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, tờ trình bổ sung đồ dùng, trang thiết bị	2030	đồng
Làm tốt công tác xã hội hóa giáo dục kêu gọi các mạnh thường quân, nhà hảo tâm đầu tư xây mới các công trình kiên cố, khu vực dành riêng để phát triển vận động cho trẻ, trong đó tổ chức được 02 (hai) môn thể thao phù hợp với trẻ lứa tuổi mầm non.	Cán bộ quản lý, giáo viên	Kế hoạch vận động tài trợ của nhà trường	Năm học 2024-2025 và các năm học tiếp theo	1.000.000.000 đồng

5. Tự đánh giá: Chưa đạt.

Tiêu chí 5:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường hoàn thành tất cả các mục tiêu theo phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường

1. Mô tả hiện trạng

Hàng năm, nhà trường xây dựng phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường, trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá nhà trường hoàn thành tất cả các mục tiêu đề ra về quy mô trường lớp, cơ sở vật chất; phát triển đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên; chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ; công tác quản lý tài chính, tài sản, huy động nguồn lực hợp pháp để phát triển nhà trường; công tác xã hội hóa; các hoạt động phù hợp với văn hóa địa phương.... đảm bảo tính khả thi, tỷ lệ các công trình của nhà trường được xây dựng kiên cố mới đạt 71.4%; tỷ lệ giáo viên đạt giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh đạt 10,6% [H1-1.1-02]; [H1-1.2-08].

2. Điểm mạnh

Nhà trường thực hiện tốt phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường theo năm học phù hợp với điều kiện thực tế, hoàn thành tất cả các mục tiêu đảm bảo tính khả thi ở các mục tiêu đề ra về phát triển đội ngũ cán bộ, giáo viên,

nhân viên; chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ; công tác quản lý tài chính, tài sản, huy động nguồn lực hợp pháp để phát triển nhà trường; công tác xã hội hóa và các hoạt động phù hợp với văn hóa địa phương.

3. Điểm yếu: Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường chưa hoàn thành tất cả các mục tiêu theo phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường, cụ thể: tỷ lệ các công trình của nhà trường được xây dựng kiên cố mới đạt 71,4%; tỷ lệ giáo viên đạt giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh đạt 2%.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Định kỳ hằng năm rà soát, bổ sung, điều chỉnh kế hoạch chiến lược xây dựng và phát triển cho phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường	Cán bộ quản lý, giáo viên	Kế hoạch phát triển nhà trường (ngắn hạn, trung hạn, dài hạn)	Từ năm học 2024-2025 đến năm 2029-2030	Không
Tiếp tục xây dựng kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường đưa mục tiêu xin mở rộng quỹ đất tại trung tâm trường, xin đầu tư công trình kiên cố theo lộ trình cho phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường	Cán bộ quản lý, giáo viên	Kế hoạch phát triển nhà trường (ngắn hạn, trung hạn, dài hạn)	Từ năm học 2024-2025 đến năm 2029-2030	5.000.000.000 đồng
Tích cực tham mưu bổ sung giáo viên còn thiếu so với quy định, tăng cường bồi dưỡng chuyên môn cho giáo viên để nâng cao tỷ lệ giáo viên dạy giỏi các cấp	Cán bộ quản lý, giáo viên cốt cán, tổ trưởng chuyên môn	Tờ trình, kế hoạch phát triển nhà trường, kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn giáo viên của tổ, trường	Năm học 2024-2025; năm học 2025-2026	Không

5. Tự đánh giá: Không đạt.

Tiêu chí 6:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường có 02 năm đạt kết quả giáo dục và các hoạt động khác vượt trội so với các trường có điều kiện kinh tế - xã hội tương đồng, được các cấp có thẩm quyền và cộng đồng ghi nhận.

1. Mô tả hiện trạng

Kết quả chất lượng giáo dục và các hoạt động khác vượt trội được các cấp ghi nhận, năm học 2020-2021, năm học 2022-2023, năm học 2024-2025 nhà trường có giáo viên được khen thưởng thành tích xuất sắc trong hội thi giáo viên dạy giỏi cấp huyện được Ủy ban nhân dân huyện tặng giấy khen. Năm học 2022-2023 nhà trường có 01 giáo viên được khen thưởng thành tích xuất sắc trong hội thi giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh được Giám đốc Sở Giáo dục Đào tạo tỉnh Điện Biên tặng giấy khen. Năm học 2022-2023 nhà trường được xếp loại hoàn thành Xuất sắc nhiệm vụ được UBND tỉnh tặng Bằng khen [H6-6.1-01]; [H6-6.1-02].

2. Điểm mạnh

Năm học 2020-2021, năm học 2022-2023, năm học 2024-2025 nhà trường được khen thưởng thành tích trong hội thi giáo viên dạy giỏi cấp huyện được Ủy ban nhân dân huyện tặng giấy khen. Năm học 2022-2023 nhà trường có 01 giáo viên được khen thưởng thành tích xuất sắc trong hội thi giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh được Giám đốc Sở Giáo dục Đào tạo tỉnh Điện Biên tặng giấy khen. Năm học 2022-2023 nhà trường được Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên tặng Bằng khen.

3. Điểm yếu: không

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Nhà trường tiếp tục thực hiện tốt các phong trào thi đua nâng cao chất lượng giáo dục và các hoạt động khác	Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ	Kế hoạch phát triển nhà trường, kế hoạch phát động phong trào thi đua trong năm học.	Năm học 2024-2025 và các năm tiếp theo	Không
Cán bộ quản lý cùng với đội ngũ giáo viên nhân viên tập trung huy động nguồn lực nhằm nâng cao chất lượng	Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên	Kế hoạch phát triển nhà trường, kế hoạch vận động tài trợ	Trong năm học 2024-2025 và các năm tiếp theo.	Không

nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục trẻ đạt kết quả giáo dục vượt trội so với các trường có điều kiện kinh tế - xã hội tương đồng				
---	--	--	--	--

5. Tự đánh giá: Đạt

Kết luận về Tiêu chí mức 4

Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non của Bộ Giáo dục và Đào tạo, chương trình giáo dục nhà trường thúc đẩy được sự phát triển toàn diện của trẻ em. 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp ở mức khá trở lên, chất lượng đội ngũ giáo viên đáp ứng được phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường. Sân vườn và khu vực cho trẻ em chơi có diện tích đạt chuẩn theo quy định như: sân chơi chung, sân chơi chung ngoài trời; sân tập thể dục; sân chơi dành cho trẻ nhà trẻ và trẻ mẫu giáo; sân vườn của nhà trường có khu đất để trẻ em tập trồng trọt, chăm sóc; có các góc chơi, khu vực hoạt động trong và ngoài nhóm lớp tạo cơ hội cho trẻ em được khám phá, trải nghiệm, giúp trẻ em phát triển toàn diện, có các trang thiết bị tối thiểu phục vụ hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em; có khu vực dành riêng để phát triển vận động. Hằng năm thực hiện phương hướng, chiến lược phát triển hoàn thành tất cả các mục tiêu đề ra. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại tại nhà trường đã có sự tham khảo mô hình, phương pháp giáo dục tiên tiến nhưng chưa áp dụng vào chương trình để dạy trẻ; sân chơi chung ngoài trời chưa có đường chạy dài, hố cát và bể vầy nước; nhà trường chưa có phòng tư vấn tâm lý, chưa có trang thiết bị hiện đại phục vụ hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em; các công trình của nhà trường còn 28,6% xây dựng bán kiên cố chưa đáp ứng được 100% các công trình được xây dựng kiên cố, tỷ lệ giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh còn thấp, chưa có khu vực để tổ chức được 02 môn thể thao phù hợp với trẻ em lứa tuổi mầm non.

*** Kết quả tự đánh giá**

- Tổng số tiêu chí của mức 4: 6 tiêu chí
- + Số tiêu chí đạt yêu cầu: 2/6 tiêu chí
- + Số tiêu chí không đạt yêu cầu: 4/6 tiêu chí

Phần III

KẾT LUẬN CHUNG

Trong 5 năm từ năm học 2020 - 2021 đến nay Trường mầm non Nà Búng đã có những bước phát triển nổi bật. Nhiều năm liên tiếp trường liên tục đạt trường tiên tiến cấp huyện và đạt danh hiệu tập thể lao động xuất sắc được Ủy ban nhân dân huyện Nậm Pồ tặng giấy khen. Năm học 2023 - 2024 được Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên tặng bằng khen. Các hoạt động của nhà trường

đều phát triển, ổn định và bền vững, uy tín của nhà trường với ngành học, với các cấp lãnh đạo địa phương và các bậc phụ huynh ngày càng được nâng lên.

Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ công tác quản lý, dạy và học của nhà trường ngày càng được đầu tư, bổ sung thường xuyên, nhà trường có khuôn viên khang trang rộng rãi môi trường xanh - sạch - đẹp - an toàn và thân thiện.

Đội ngũ cán bộ giáo viên của trường có phẩm chất đạo đức và có năng lực chuyên môn nghiệp vụ, nhiệt tình, có trách nhiệm trong công việc được giao, nhiều giáo viên có phương pháp giảng dạy tốt, 100% cán bộ, giáo viên nhà trường có trình độ trên chuẩn, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ của đổi mới giáo dục. Thực hiện nghiêm túc nội dung chương trình giáo dục mầm non theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, phương pháp dạy học đã dần được đổi mới phát huy tính tích cực, tự giác, chủ động, sáng tạo của trẻ.

Kết quả chăm sóc giáo dục trẻ của nhà trường trong nhiều năm qua đã đạt kết quả cao, trẻ đạt được mục tiêu phát triển toàn diện theo chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

Nhà trường làm tốt công tác xã hội hoá giáo dục nên đã nhận được sự quan tâm của các cấp uỷ Đảng, chính quyền địa phương, các cá nhân, các nhà hảo tâm đầu tư hỗ trợ kinh phí xây mới các khu vui chơi, trải nghiệm sáng tạo, tu sửa cơ sở vật chất ngày một khang trang đáp ứng nhu cầu dạy và học, phối kết hợp với các ban ngành, đoàn thể địa phương các bậc phụ huynh thực hiện tốt việc huy động trẻ ra lớp đảm bảo đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non trẻ em 5 tuổi, thực hiện tốt nhiệm vụ năm học đề ra.

Được sự quan tâm chỉ đạo sát sao của lãnh đạo Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Nậm Pồ, của Đảng uỷ chính quyền Si Pa Phìn cùng với sự nỗ lực cố gắng phấn đấu không ngừng của tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên, cha mẹ trẻ đã có những kết quả đáng kể. Trong quá trình tự đánh giá trường mầm non Si Pa Phìn đã đạt được những kết quả cụ thể về 5 tiêu chuẩn, 22 tiêu chí, Nhà trường đã tiến hành tự đánh giá theo đúng quy trình. Các tiêu chuẩn được đánh giá chính xác, khách quan phản ánh đúng chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ và các hoạt động giáo dục khác trong nhà trường. Qua quá trình tự đánh giá nhà trường đã đạt được những kết quả cụ thể như sau:

- Số tiêu chí đạt yêu cầu mức 1: 22/22 đạt 100%
- Số tiêu chí đạt yêu cầu mức 2: 21/21 đạt 100%
- Số tiêu chí đạt yêu cầu mức 3: 10/15 đạt 66,6%
- Số tiêu chí chưa đạt yêu cầu mức 3: 5/15 chiếm 33,4%
- Số tiêu chí đạt yêu cầu mức 4: 2/6 đạt 33,3%
- Số tiêu chí chưa đạt yêu cầu mức 4: 4/6 chiếm 66,7%

*** Trường mầm non tự đánh giá**

Căn cứ Thông tư số 19/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của

Bộ Giáo dục Ban hành quy định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường mầm non, kèm theo Quy định về Kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn Quốc gia đối với trường mầm non; Thông tư sửa đổi bổ sung số 22/2024/TT-BGDĐT ngày 10 tháng 12 năm 2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Thông tư số: 13/VBHN-BGDĐT 31/12/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường mầm non;

Căn cứ kết quả tự đánh giá của nhà trường, trường mầm non Nà Bùng, huyện Nậm Pồ đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 2, trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ 1;

Trường mầm non Nà Bùng đề nghị các cấp có thẩm quyền xem xét công nhận kết quả tự đánh giá của nhà trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 2, trường chuẩn quốc gia mức độ 1.

Phần IV. PHỤ LỤC

(Có danh mục mã hóa minh chứng kèm theo)

Nà Bùng, ngày 29 tháng 05 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG



Lường Thị Thuận